

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đỗ Thu Hà

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Thúy Hồng

HẢI PHÒNG - 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU
TẠI CÔNG TY TNHH MTV NBA**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Đỗ Thu Hà

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Thúy Hồng

HẢI PHÒNG - 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đỗ Thu Hà

Mã SV: 1412401309

Lớp: QT1805K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty

TNHH Một thành viên NBA.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - ❖ Tìm hiểu lý luận về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất.
 - ❖ Tìm hiểu thực tế công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Một thành viên NBA.
 - ❖ Tìm và đánh giá ưu khuyết điểm công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Một thành viên NBA.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - ❖ Suu tầm, lựa chọn số liệu phục vụ công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Một thành viên NBA năm 2017.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
Công ty TNHH Một thành viên NBA.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thúy Hồng

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH Một thành viên NBA.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 15 tháng 10 năm 2018

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 05 tháng 01 năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Đỗ Thu Hà

Nguyễn Thị Thúy Hồng

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2019

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| LỜI MỞ ĐẦU | 1 |
| CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT | 4 |
| 1.1. Những vấn đề chung về nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất..... | 4 |
| 1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại nguyên vật liệu..... | 4 |
| 1.1.1.1. Khái niệm nguyên vật liệu..... | 4 |
| 1.1.1.2. Đặc điểm của nguyên vật liệu..... | 4 |
| 1.1.1.3. Phân loại nguyên vật liệu..... | 4 |
| 1.1.2. Vai trò, yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong sản xuất kinh doanh..... | 5 |
| 1.1.3. Ý nghĩa và nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu..... | 6 |
| 1.2. Tính giá nguyên vật liệu..... | 6 |
| 1.2.1. Tính giá nguyên vật liệu nhập kho..... | 6 |
| 1.2.2. Tính giá NVL xuất kho..... | 8 |
| 1.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu..... | 9 |
| 1.3.1. Phương pháp thẻ song song..... | 9 |
| 1.3.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển..... | 10 |
| 1.3.3. Phương pháp sổ số dư..... | 12 |
| 1.4. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu..... | 13 |
| 1.4.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên..... | 13 |
| 1.4.2. Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp kiểm kê định kỳ..... | 16 |
| 1.5. Kế toán dự phòng giảm giá NVL..... | 17 |
| 1.6. Sổ sách kế toán và hình thức ghi sổ kế toán NVL..... | 17 |
| 1.6.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung..... | 17 |
| 1.6.1.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung..... | 17 |
| 1.6.1.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung..... | 18 |
| 1.6.2. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ..... | 19 |
| 1.6.2.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ..... | 19 |
| 1.6.2.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ..... | 19 |
| 1.6.3. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái..... | 21 |
| 1.6.3.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái..... | 21 |
| 1.6.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái..... | 22 |
| 1.6.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính..... | 23 |
| 1.6.4.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính..... | 23 |

| | |
|--|----|
| CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NBA | 26 |
| 2.1. Khái quát về công ty TNHH một thành viên NBA..... | 26 |
| 2.2. Đặc điểm về tổ chức bộ máy quản lý của Công ty..... | 27 |
| 2.3. Đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty | 30 |
| 2.4. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH một thành viên NBA | 30 |
| 2.5. Đặc điểm chung về công tác kế toán của Công ty | 33 |
| 2.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty TNHH một thành viên NBA | 33 |
| 2.5.2. Hình thức tổ chức sổ kế toán áp dụng tại Công ty | 34 |
| 2.5.3. Hệ thống tài khoản kế toán áp dụng tại Công ty..... | 35 |
| 2.5.4. Các chế độ kế toán áp dụng tại Công ty..... | 35 |
| 2.6. Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên NBA | 36 |
| 2.6.1. Đặc điểm, phân loại nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên NBA | 36 |
| 2.6.1.1. Đặc điểm nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên NBA..... | 36 |
| 2.6.1.2. Phân loại nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên NBA | 36 |
| 2.6.2. Kiểm kê, tính giá nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên NBA | 37 |
| 2.6.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên NBA..... | 38 |
| 2.6.4. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH một thành viên NBA..... | 58 |
| CHƯƠNG 3 : HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NBA | 63 |
| 3.1. Nhận xét về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty | 63 |
| 3.1.1. Ưu điểm..... | 63 |
| 3.1.2. Nhược điểm..... | 64 |
| 3.2. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên NBA..... | 65 |
| 3.3 Hiện đại hóa công tác kế toán..... | 65 |
| KẾT LUẬN | 69 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | 71 |

DANH MỤC SƠ ĐỒ

| | |
|--|----|
| Sơ đồ 1.1.Sơ đồ trình tự hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song..... | 10 |
| Sơ đồ 1.2. Sơ đồ trình tự hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển | 11 |
| Sơ đồ 1.3.Sơ đồ trình tự hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ số dư.... | 12 |
| Sơ đồ 1.4. Sơ đồ hạch toán kế toán NVL theo phương pháp kê khai | 15 |
| Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán NVL theo phương pháp kiểm kê định kỳ..... | 16 |
| Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán kế toán dự phòng giảm giá NVL..... | 17 |
| Sơ đồ 1.7. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung | 18 |
| Sơ đồ 1.8. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ | 20 |
| Sơ đồ 1.9. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký sổ cái. | 22 |
| Sơ đồ 1.10. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính | 24 |
| Sơ đồ 2.1.Cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH một thành viên NBA..... | 28 |
| Sơ đồ 2.2.Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty TNHH một thành viên NBA .. | 33 |
| Sơ đồ 2.3.Quy trình ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung..... | 35 |
| Sơ đồ 2.4. Sơ đồ kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song ... | 38 |

DANH MỤC BẢNG BIỂU

| | |
|---|----|
| Bảng 2.1.Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty qua 3 năm | 31 |
| Biểu số 2.1.Hóa đơn GTGT | 41 |
| Biểu số 2.2.Biên bản kiểm nghiệm vật tư..... | 42 |
| Biểu số 2.3. Phiếu nhập kho | 43 |
| Biểu số 2.4.Hóa đơn GTGT..... | 44 |
| Biểu số 2.5.Biên bản kiểm nghiệm vật tư..... | 45 |
| Biểu số 2.6. Phiếu nhập kho | 46 |
| Biểu số 2.7.Phiếu đề nghị cấp vật tư | 49 |
| Biểu số 2.8.Phiếu xuất kho | 50 |
| Biểu số 2.9.Phiếu đề nghị cấp vật tư | 51 |
| Biểu số 2.10.Phiếu xuất kho | 52 |
| Biểu số 2.11.Thẻ kho..... | 53 |
| Biểu số 2.12.Thẻ kho..... | 54 |
| Biểu số 2.13.Trích sổ chi tiết nguyên vật liệu | 55 |
| Biểu số 2.14.Trích sổ chi tiết nguyên vật liệu | 56 |
| Biểu số 2.15. Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn NVL..... | 57 |
| Biểu số 2.16. Nhật Ký Chung..... | 61 |
| Biểu số 2.17. Sổ cái NVL..... | 62 |

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

| | |
|------|------------------------|
| NVL | : Nguyên vật liệu |
| TNHH | : Trách nhiệm hữu hạn |
| SXKD | : Sản xuất kinh doanh |
| XDCB | : Xây dựng cơ bản |
| PNK | : Phiếu nhập kho |
| PXK | : Phiếu xuất kho |
| TTDB | : Tiêu thụ đặc biệt |
| CL | : Chênh lệch |
| KKTX | : Kê khai thường xuyên |
| KKĐK | : Kiểm kê định kỳ |

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết

Trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển, nhất định phải có phương án kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế. Để đứng vững và phát triển trong điều kiện: có sự cạnh tranh gay gắt, doanh nghiệp phải nắm bắt và đáp ứng được tâm lý, nhu cầu của người tiêu dùng với sản phẩm có chất lượng cao, giá thành hạ, mẫu mã phong phú, đa dạng chủng loại. Muốn vậy, các doanh nghiệp thương mại phải giám sát tất cả các quy trình từ khâu mua hàng đến khâu tiêu thụ hàng hóa để đảm bảo việc bảo toàn và tăng nhanh tốc độ luân chuyển vốn, giữ uy tín với bạn hàng, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ công nhân viên, doanh nghiệp đảm bảo có lợi nhuận để tích lũy mở rộng phát triển sản xuất kinh doanh.

Nguyên vật liệu (NVL) là một yếu tố đầu vào quan trọng và chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất và giá thành. Sử dụng tiết kiệm hợp lý NVL sẽ tạo ra khả năng tăng lợi nhuận một cách tương ứng mà không phải đầu tư thêm vốn. Kế toán NVL tạo điều kiện tốt và thuận lợi cho công tác phân tích tình hình quản lý và sử dụng nguyên vật liệu tìm ra nhược điểm để phát huy khai thác khả năng tiềm tàng với mục đích ngày nâng cao chất lượng sản xuất.

Qua thời gian tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH một thành viên NBA, trong thời gian thực tập, em đã hiểu sâu hơn về công tác kế toán NVL và tầm quan trọng của nó. Từ kiến thức em đã được học và thực tế tìm hiểu, em đã quyết định chọn đề tài làm khóa luận cho mình là: **“Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên NBA”**.

2. Mục đích nghiên cứu**❖ Mục tiêu tổng quát**

Nghiên cứu công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên NBA, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán NVL tại Công ty.

❖ Mục tiêu cụ thể

- Hệ thống hóa được cơ sở lý luận về công tác kế toán NVL trong doanh nghiệp.
- Khái quát được đặc điểm cơ bản và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH một thành viên NBA.
- Đánh giá thực trạng công tác kế toán NVL tại Công ty TNHH một thành viên NBA .
- Đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán NVL tại Công ty TNHH một thành viên NBA.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

❖ Đối tượng nghiên cứu

- Công tác kế toán NVL tại Công ty TNHH một thành viên NBA.

❖ Phạm vi nghiên cứu

- Về không gian: tại Công ty TNHH một thành viên NBA.
- Về thời gian: Các số liệu, chứng từ nghiên cứu công tác kế toán NVL của Công ty TNHH một thành viên NBA vào năm 2017.

4. Phương pháp nghiên cứu

❖ Phương pháp thu thập số liệu:

- Phương pháp kế thừa, chọn lọc những tài liệu đã có như: Các giáo trình kế toán tài chính, luận văn tốt nghiệp chuyên ngành kế toán - tài chính.
- Phương pháp phỏng vấn, ghi chép: Phỏng vấn các cán bộ, công nhân của Công ty TNHH một thành viên NBA.
- Phương pháp điều tra thu thập số liệu: Thu thập những số liệu thứ cấp thông qua các tài liệu, sổ sách kế toán tại phòng Tài chính kế toán của Công ty.

❖ Phương pháp xử lý số liệu

- Phương pháp thống kê mô tả: Phương pháp này sử dụng để mô tả thực trạng hoạt động SXKD và thực trạng NVL của Công ty. Các chỉ tiêu bao gồm: Số bình quân, số tương đối, số tuyệt đối, cơ cấu, tỉ trọng của NVL và tài sản, nguồn vốn của Công ty.
- Phương pháp so sánh đối chiếu: Phương pháp này được sử dụng để phân tích sự biến động của các chỉ tiêu chung của công ty qua 3 năm.

5. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu và kết luận khóa luận gồm có 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên NBA.

Chương 3: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH một thành viên NBA.

CHƯƠNG 1**CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU
TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT****1.1. Những vấn đề chung về nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất.****1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại nguyên vật liệu****1.1.1.1. Khái niệm nguyên vật liệu**

Nguyên vật liệu là những đối tượng lao động và là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, nó tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm sản xuất ra. Nguyên vật liệu là cơ sở vật chất cấu thành nên thực thể sản phẩm.

1.1.1.2. Đặc điểm của nguyên vật liệu

- NVL chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh nhất định.
- Toàn bộ giá trị vật liệu được chuyển dịch toàn bộ một lần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.
- Khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh không giữ nguyên được hình thái vật chất ban đầu, bị biến đổi hình thái hoặc tiêu hao hoàn toàn.

1.1.1.3 Phân loại nguyên vật liệu

Căn cứ vào nội dung kinh tế và yêu cầu kế toán quản trị trong doanh nghiệp, nguyên vật liệu được chia thành các loại sau:

- Theo yêu cầu quản lý:
 - + Nguyên liệu, vật liệu chính: Là đối tượng lao động chủ yếu cấu thành nên thực thể vật chất của sản phẩm. Nguyên vật liệu chính bao gồm bán thành phẩm, mua ngoài với mục đích tiếp tục quá trình sản xuất, sản phẩm, hàng hóa.
 - + Vật liệu phụ: Là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất, không cấu thành thực thể chính của sản phẩm nhưng có thể kết hợp với vật liệu chính làm thay đổi màu sắc, mùi vị hình dáng bề ngoài, tăng thêm chất lượng sản phẩm hoặc tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm được thực hiện bình thường.
 - + Nhiên liệu: Cung cấp nhiệt lượng cho quá trình sản xuất, kinh doanh tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm diễn ra bình thường.

+ Vật tư thay thế: Là loại vật tư được sử dụng để thay thế sửa chữa bảo dưỡng các phương tiện vận tải, công cụ, dụng cụ sản xuất...

+ Thiết bị xây dựng cơ bản: Bao gồm các vật liệu và thiết bị mà doanh nghiệp mua vào nhằm mục đích đầu tư cho XDCB, bao gồm các thiết bị cần lắp và không cần lắp, công cụ và vật kết cấu dùng để lắp đặt cho các công trình xây dựng cơ bản.

- *Theo nguồn gốc của vật liệu:*

+ Nguyên vật liệu tự sản xuất gia công chế biến của doanh nghiệp.

+ Nguyên vật liệu mua ngoài.

+ Nguyên vật liệu nhận góp vốn liên doanh, liên kết.

- *Theo mục đích, công dụng của vật liệu:*

+ NVL dùng trực tiếp cho sản xuất, chế tạo sản phẩm.

+ NVL dùng cho nhu cầu khác như: Nhượng bán, đem góp vốn liên doanh, đem biếu tặng, dùng trong quản lý, phục vụ nhu cầu xử lý thông tin.

1.1.2. Vai trò, yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong sản xuất kinh doanh

- *Vai trò và yêu cầu quản lý của nguyên vật liệu trong sản xuất kinh doanh:*

Từ những đặc điểm của nguyên vật liệu, ta thấy chúng đóng vai trò một vai trò rất quan trọng trong các doanh nghiệp. Trong các doanh nghiệp sản xuất, chi phí NVL chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất tạo ra sản phẩm. Do đó quá trình sản xuất diễn ra liên tục, chất lượng sản phẩm tốt hay kém đều phụ thuộc rất lớn vào yếu tố chi phí này.

Như vậy nguyên vật liệu đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh, việc quản lý NVL phải đảm bảo các vấn đề từ khâu thu mua đến khâu sử dụng. Cụ thể:

+ Ở khâu thu mua vật tư: Chất lượng đầu ra phụ thuộc vào chất lượng nguyên vật liệu và tiến độ sản xuất gắn chặt với quá trình nhập vật tư. Vì vậy việc nhập phải được lập kế hoạch chi tiết về chất lượng, số lượng, thời gian, quy cách chủng loại, theo sát nhu cầu kế hoạch sản xuất.

+ Ở khâu dự trữ: Việc dự trữ tại kho cần phải đảm bảo phù hợp với từng loại, thời hạn sử dụng, đảm bảo đủ NVL để quá trình sản xuất được diễn ra liên tục không ứ đọng.

+ Ở khâu sử dụng: Để dễ quản lý các doanh nghiệp thường đề ra các định mức tiêu hao NVL trên cơ sở hao phí thực tế các kỳ trước. Từ đó tiến hành xem xét xuất dùng đánh giá tình hình thực hiện nó. Qua đó giúp cho quá trình sử dụng nguyên vật liệu đúng mục đích, tiết kiệm, hợp lý, giảm chi phí không cần thiết những mất mát không đáng có.

1.1.3. Ý nghĩa và nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu.

- Ý nghĩa của kế toán nguyên vật liệu:

Với chức năng cung cấp thông tin và kiểm tra kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hạch toán kế toán NVL thực sự là một công cụ hữu ích phục vụ cho công tác quản lý NVL ở doanh nghiệp. Hạch toán NVL đầy đủ, chính xác kịp thời sẽ giúp cho lãnh đạo doanh nghiệp nắm bắt kịp thời tình hình thu mua, xuất dùng và dự trữ NVL để từ đó đưa ra các quyết định, giải pháp phù hợp cho quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu:

+ Tổ chức kế toán NVL phải đầy đủ, chính xác, kịp thời. Phát hiện ngăn ngừa mọi đề xuất, mọi biện pháp xử lý việc thiếu thừa NVL.

+ Áp dụng đúng đắn các phương pháp hạch toán NVL tham gia góp phần quản lý NVL giữa kho và phòng kế toán, giúp cán bộ quản lý lập kế hoạch thu mua kịp thời.

+ Thực hiện việc phân loại đánh giá vật tư phù hợp với các nguyên tắc, chuẩn mực kế toán đã quy định và yêu cầu quản trị doanh nghiệp.

1.2. Tính giá nguyên vật liệu

1.2.1. Tính giá nguyên vật liệu nhập kho

❖ *Nhập kho NVL do mua ngoài*

$$\begin{matrix} \text{Giá thực} \\ \text{tê NVL} \\ \text{nhập kho} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Giá mua} \\ \text{ghi trên} \\ \text{hóa đơn} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Chi phí} \\ \text{khác liên} \\ \text{quan đến} \\ \text{quá trình} \\ \text{thu mua} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{Các khoản} \\ \text{thuế không} \\ \text{được hoàn} \\ \text{lại} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{Giảm giá} \\ \text{hàng mua} \\ \text{và chiết khấu} \\ \text{thương mại} \end{matrix}$$

Giá mua ghi trên hóa đơn là số tiền mà doanh nghiệp phải trả cho người bán theo hợp đồng hay hóa đơn tùy thuộc vào phương pháp tính thuế GTGT mà doanh nghiệp áp dụng, cụ thể là:

+ Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, giá mua hàng hóa là giá chưa có thuế GTGT đầu vào.

+ Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp và hàng không chịu thuế GTGT thì giá mua là tổng thanh toán.

Các khoản thuế không hoàn lại: Thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế GTGT (không khấu trừ).

Chi phí thu mua nguyên vật liệu: Chi phí vận chuyển, bảo quản, bốc dỡ, lưu kho, lưu bãi, bảo hiểm hàng mua, hao hụt trong định mức cho phép, công tác phí của bộ phận thu mua,...

Chiết khấu thương mại: Là số tiền mà doanh nghiệp được giảm trừ do đã mua nguyên vật liệu với số lượng lớn theo thỏa thuận.

Giảm giá hàng mua: Là số tiền người bán giảm trừ cho người mua do hàng kém phẩm chất, sai quy cách... khoản này ghi giảm giá mua nguyên vật liệu.

❖ *Nhập kho NVL do doanh nghiệp gia công, chế biến*

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thành sản xuất} \\ \text{thực tế của NVL} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí liên quan} \end{array}$$

❖ *Nhập kho NVL thuê ngoài, gia công chế biến*

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế của} \\ \text{NVL nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Trị giá vốn thực tế xuất} \\ \text{gia công chế biến} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các chi phí liên} \\ \text{quan đến gia công} \\ \text{chế biến} \end{array}$$

❖ *Nhập kho NVL được biếu tặng*

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế vật tư} \\ \text{được cấp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá ghi trên biên} \\ \text{bản bàn giao} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các chi phí phát} \\ \text{sinh liên quan} \\ \text{đến quá trình tiếp} \\ \text{nhận vật tư} \end{array}$$

❖ *Nhập kho NVL nhận vốn góp liên doanh*

$$\text{Giá thực tế NVL nhận vốn góp liên doanh} = \text{Giá đánh giá của hội đồng} + \text{Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình tiếp nhận}$$

❖ Đối với phế liệu thu hồi từ quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thì giá thực tế được tính theo giá đánh giá thực tế hoặc theo giá bán trên thị trường.

1.2.2. Tính giá NVL xuất kho

❖ *Phương pháp bình quân gia quyền:* Theo phương pháp này giá trị của từng NVL tính theo giá trị trung bình của từng NVL tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ, giá thực tế NVL xuất kho trong kỳ được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá thực tế NVL xuất kho} = \text{Đơn giá bình quân của NVL} \times \text{Số lượng NVL xuất kho}$$

Trong đó: Đơn giá bình quân được tính theo 3 cách sau:

- *Phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ:* Phương pháp này thích hợp với những doanh nghiệp có ít danh điểm vật tư nhưng số lần nhập, xuất của mỗi danh điểm nhiều, căn cứ vào giá thực tế, tồn đầu kỳ để kế toán xác định giá bình quân của một đơn vị sản phẩm hàng hóa:

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Giá thực tế NVL tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị NVL nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng NVL nhập trong kỳ}}$$

- *Phương pháp bình quân cuối kỳ trước:* Dựa vào trị giá và số lượng NVL tồn kho cuối kỳ trước, kế toán tính đơn vị bình quân cuối kỳ trước để tính giá xuất kho NVL.

$$\text{Đơn giá bình quân cuối kỳ trước} = \frac{\text{Trị giá thực tế NVL tồn đầu kỳ (hoặc cuối kỳ trước)}}{\text{Số lượng NVL tồn kho đầu kỳ (hoặc cuối kỳ trước)}}$$

- *Phương pháp đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập*: Theo phương pháp này sau mỗi lần nhập NVL kế toán tính đơn giá bình quân sau đó căn cứ vào đơn giá bình quân và lượng NVL xuất kho để tính giá vật liệu xuất kho.

$$\text{Đơn giá bình quân Sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá thực tế từng loại tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng thực tế NVL tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

❖ *Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO)*: Phương pháp này dựa trên giả định hàng nào nhập trước sẽ được xuất trước và lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng. Phương pháp này thường được áp dụng ở những doanh nghiệp có ít vật tư, số lần nhập kho không nhiều.

❖ *Phương pháp giá đích danh*: Theo phương pháp này NVL xuất kho thuộc lô nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô đó để tính, phương pháp này tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán, chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế, giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

1.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu

1.3.1. Phương pháp thẻ song song

Đặc điểm của phương pháp thẻ song song là sử dụng các sổ chi tiết để theo dõi thường xuyên, liên tục sự biến động của từng mặt hàng tồn kho cả về số lượng và giá trị.

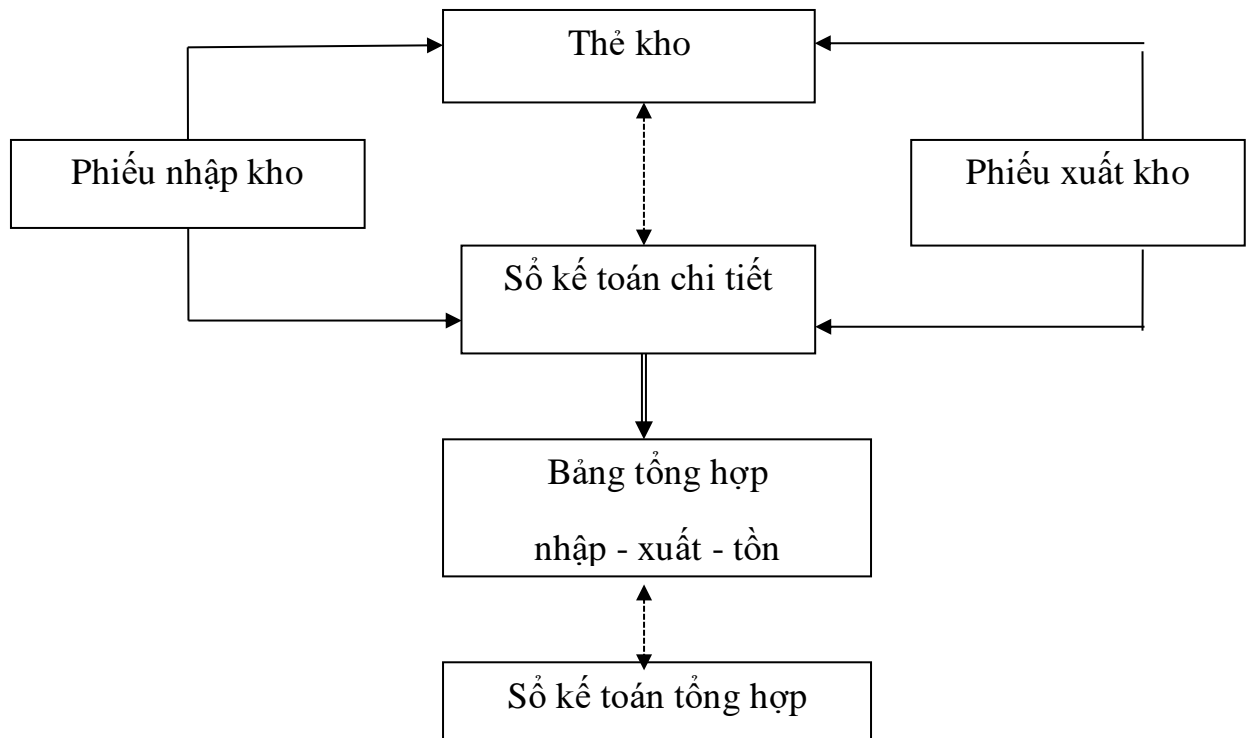
Theo phương pháp này để hạch toán các nghiệp vụ nhập – xuất – tồn kho NVL, ở kho phải mở thẻ kho theo dõi về mặt số lượng, ở phòng kế toán mở sổ kế toán chi tiết nguyên vật liệu để theo dõi về mặt số lượng và giá trị.

- *Tại kho*: Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép tình hình nhập - xuất - tồn kho của từng loại vật liệu ở từng kho theo chỉ tiêu số lượng.

- *Tại phòng kế toán*: Kế toán sử dụng thẻ kho để phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm theo từng loại NVL tương ứng với thẻ kho mở ở kho. Để thực hiện đối chiếu giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, kế toán phải

căn cứ vào các thẻ chi tiết để lập bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn về mặt giá trị từng loại NVL.

Quy trình hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song được trình bày theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.1. Sơ đồ trình tự hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song

Chú thích:

- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- ←.....→ Quan hệ đối chiếu

1.3.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

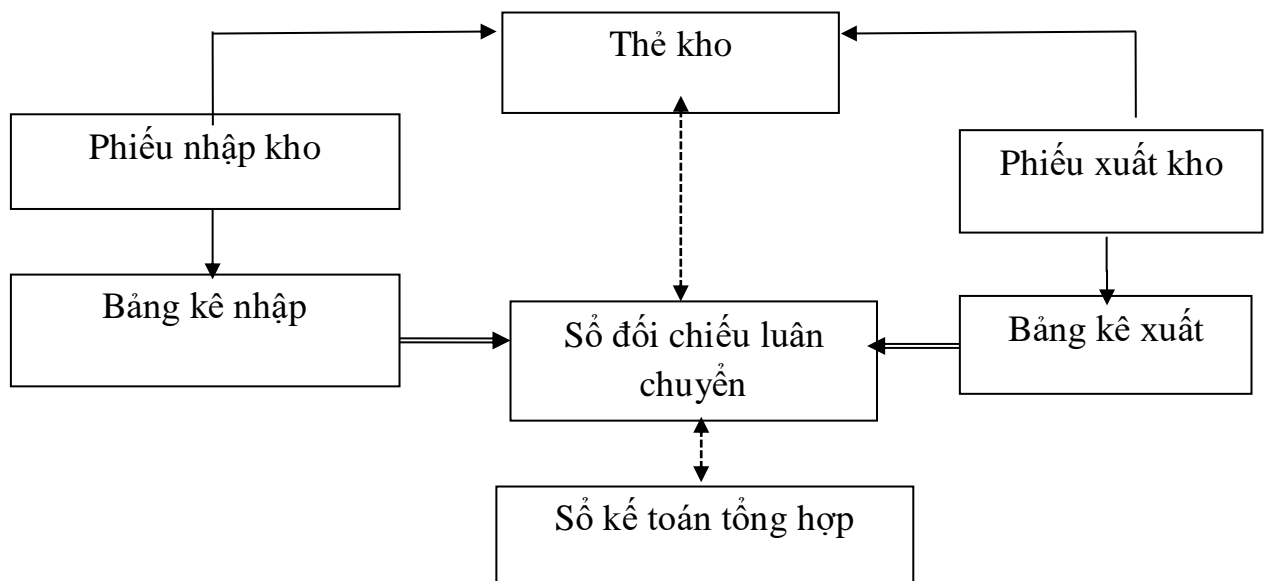
Phương pháp ghi sổ đối chiếu luân chuyển là sử dụng sổ đối chiếu luân chuyển để theo dõi sự biến động của từng mặt hàng tồn kho cả về số lượng và trị giá. Việc ghi sổ chỉ thực hiện một lần vào cuối tháng và mỗi danh điểm vật liệu được ghi một dòng trên sổ đối chiếu luân chuyển.

- *Tại kho:* Thủ kho theo dõi về mặt số lượng, căn cứ vào PNK, P XK thủ kho tiến hành nhập xuất vật tư sau đó ghi vào thẻ kho, mỗi danh điểm vật tư mở một thẻ kho định kỳ, hoặc hàng ngày phải chuyển PNK, P XK cho kế toán vật tư,

phải thường xuyên đối chiếu về mặt số liệu giữa thẻ kho với số lượng thực tế trong kho với số liệu kế toán theo dõi trên sổ chi tiết vật tư.

- *Tại phòng kế toán:* Trên cơ sở tổng hợp các chứng từ nhập – xuất phát sinh trong tháng của từng loại vật tư, kế toán lập bảng kê nhập vật liệu, xuất vật liệu rồi ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển. Cuối tháng đối chiếu số lượng trên sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho, đối chiếu số tiền với kế toán tổng hợp.

Quy trình hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển được trình bày theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.2. Sơ đồ trình tự hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

Chú thích:

- Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng
- <-.-.-.-> Quan hệ đối chiếu

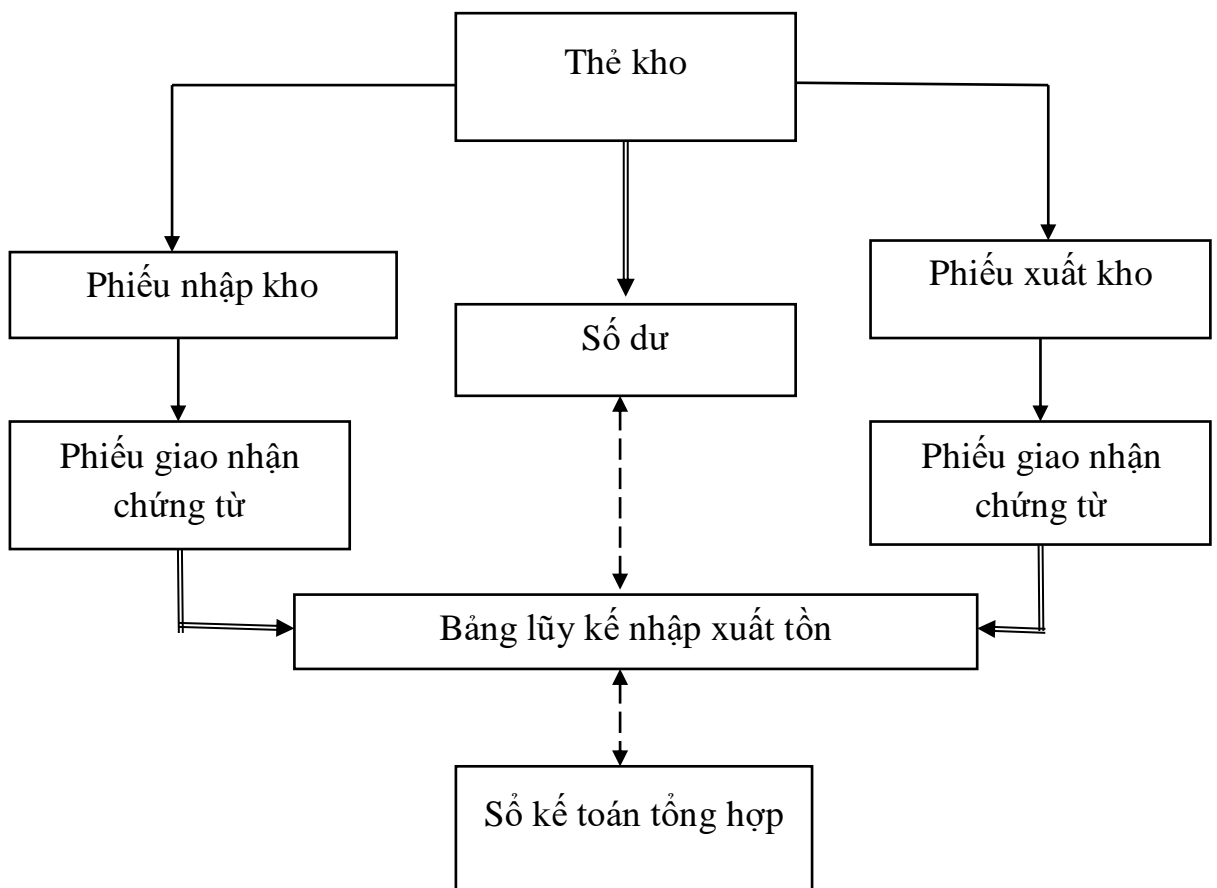
1.3.3. Phương pháp sổ số dư

Theo phương pháp này, ở kho theo dõi về mặt số lượng từng loại NVL, còn ở phòng kế toán chỉ theo dõi về mặt số lượng từng loại NVL, cụ thể như sau:

- *Tại kho:* Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép tình hình nhập - xuất - tồn NVL về mặt số lượng. Cuối tháng thủ kho tính toán số lượng vật tư còn lại theo từng danh điểm trên thẻ kho vào sổ số dư. Sổ này được kế toán mở cho từng kho và dùng cho cả năm.

- *Tại phòng kế toán:* Định kỳ, kế toán nhận chứng từ do thủ kho chuyển đến, kèm theo phiếu giao nhận chứng từ và dựa vào giá hạch toán để tính giá trị vật liệu nhập - xuất theo từng danh điểm từ đó ghi vào bảng lũy kế nhập - xuất NVL (lập theo từng danh điểm).

Quy trình hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ số dư được trình bày theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.3. Sơ đồ trình tự hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp sổ số dư

Chú thích:

- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- ←-----> Quan hệ đối chiếu

1.4. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu**1.4.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên**

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng, giảm hàng tồn kho nói chung và nguyên vật liệu nói riêng một cách thường xuyên, liên tục trên các tài khoản phản ánh từng loại. Phương pháp này được sử dụng phổ biến ở nước ta hiện nay vì nó có độ chính xác cao và cung cấp thông tin kịp thời, cập nhật. Theo phương pháp này, tại mọi thời điểm kế toán có thể xác định được trị giá nhập - xuất - tồn kho của NVL.

$$\begin{array}{cccc}
 \text{Trị giá} & & \text{Trị giá} & & \text{Trị giá} & & \text{Trị giá} \\
 \\
 \text{NVL tồn kho} & = & \text{NVL tồn kho} & + & \text{NVL nhập} & - & \text{NVL xuất} \\
 \text{cuối kỳ} & & \text{đầu kỳ} & & \text{kho trong kỳ} & & \text{trong kỳ}
 \end{array}$$

Tuy nhiên, với những doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư, giá trị nhỏ, thường xuyên sẽ phát sinh các nghiệp vụ xuất dùng, xuất bán mà áp dụng phương pháp này thì sẽ tốn khá nhiều thời gian và công sức.

➤ Các chứng từ sử dụng

- Phiếu nhập kho: Mẫu 01-VT
- Phiếu xuất kho: Mẫu 02-VT
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa: Mẫu số 03-VT
- Hóa đơn GTGT: Mẫu số 01GTKT3/001

➤ Tài khoản sử dụng

Để theo dõi tình hình nhập, xuất NVL theo phương pháp KKTX, kế toán sử dụng các tài khoản sau:

❖ Tài khoản 152: “ Nguyên liệu, vật liệu”

- Tài khoản 152 được mở thành các TK cấp 2:
 - + TK 1521: Nguyên vật liệu chính
 - + TK 1522: Vật liệu phụ
 - + TK 1523: Nhiên liệu

+ TK 1524: Phụ tùng thay thế

+ TK 1525: Vật tư, thiết bị XDCB

+ TK 1528: Vật liệu khác

❖ **Tài khoản 151: “ Hàng mua đang đi đường ”**

Tài khoản này dùng để theo dõi các loại NVL doanh nghiệp đã mua hay chấp nhận mua, đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nhưng cuối tháng chưa về nhập kho (kể cả số gửi ở kho người khác).

Ngoài ra trong quá trình hạch toán kế toán còn sử dụng một số tài khoản liên quan như: TK 111, TK 112, TK 133, TK 141, TK 331....

Trình tự hạch toán tổng hợp kế toán NVL theo phương pháp KKTX được mô tả theo sơ đồ sau:

1.4.2. Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp kiểm kê định kỳ

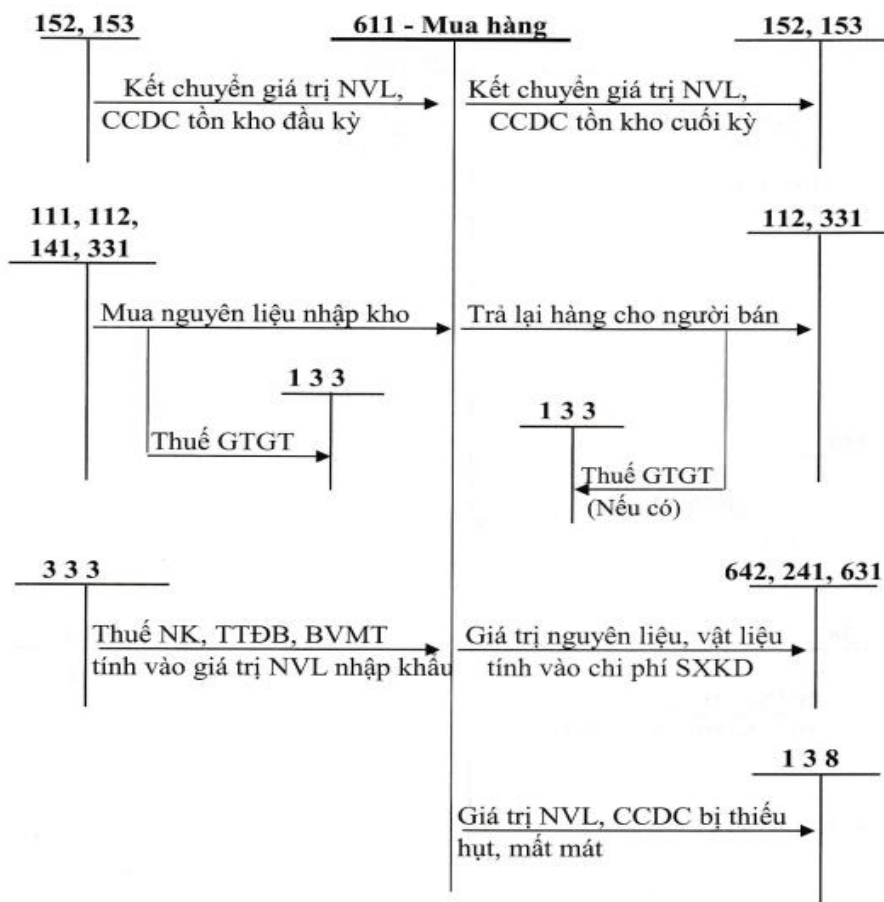
Phương pháp kiểm kê định kỳ không theo dõi một cách thường xuyên liên tục về tình hình nhập – xuất – tồn vật tư ở TK 152 như phương pháp KKTX mà chỉ phản ánh trên TK 611. Giá trị vật tư đã xuất dùng trong kỳ được tính theo công thức:

$$\begin{matrix} \text{Giá trị} & & \text{Giá trị} & & \text{Tổng giá trị} & & \text{Giá trị} \\ \text{NVL xuất dùng} & = & \text{NVL tồn kho} & + & \text{NVL tăng} & - & \text{NVL mất mát} \\ \text{trong kỳ} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{mất mát} \\ & & & & & & \text{thiếu hụt và tồn} \\ & & & & & & \text{kho cuối kỳ} \end{matrix}$$

➤ **Tài khoản sử dụng :**

TK 611: “Mua hàng”

Ngoài ra kế toán còn sử dụng một số TK như TK 111, 112, 133...



Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán NVL theo phương pháp kiểm kê định kỳ

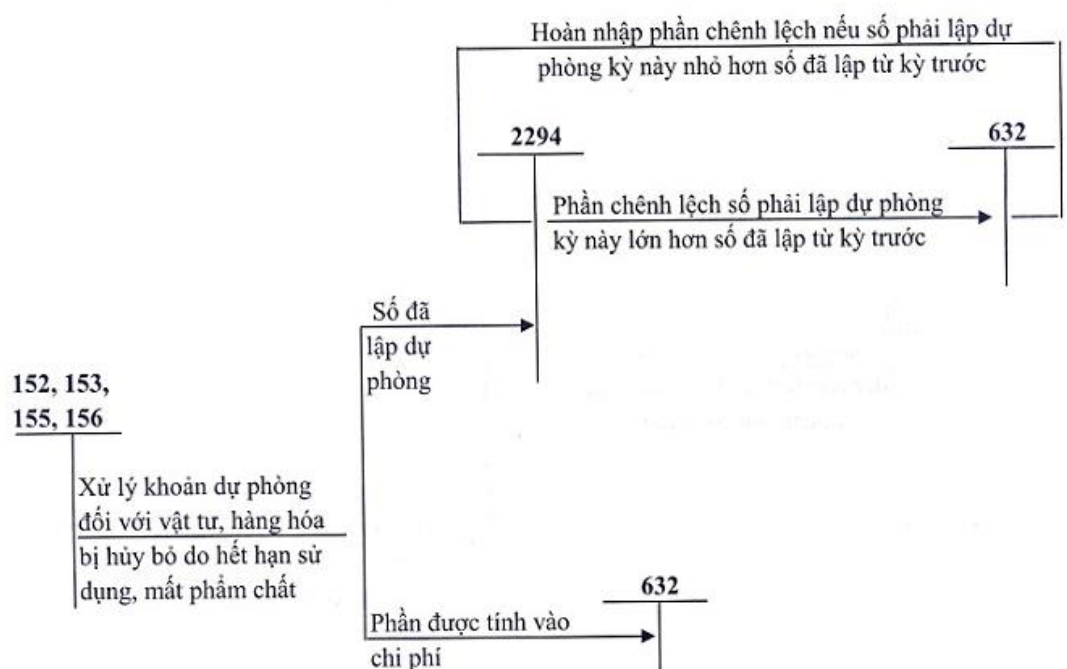
1.5. Kế toán dự phòng giảm giá NVL

➤ **Chứng từ sử dụng**

Để phản ánh tình hình trích lập và sử dụng khoản dự phòng, kế toán sử dụng TK 229 “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”

➤ **Phương pháp kế toán**

Cuối niên độ kế toán, khi một loại vật tư tồn kho có giá gốc nhỏ hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì kế toán phải lập dự phòng theo số tiền chênh lệch đó.



Sơ đồ 1.6. Sơ đồ hạch toán kế toán dự phòng giảm giá NVL

1.6. Sổ sách kế toán và hình thức ghi sổ kế toán NVL

1.6.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung

1.6.1.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung

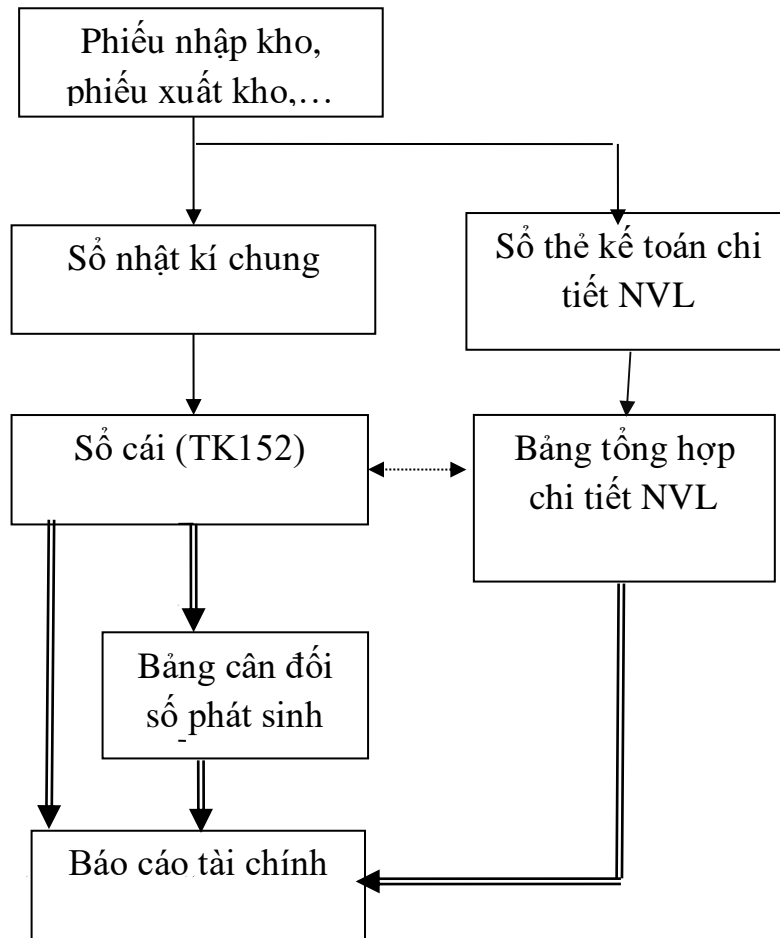
- Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, trọng tâm là sổ Nhật ký chung. Theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký chung để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

- Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu:

- + Sổ Nhật ký chung.
- + Sổ Cái.

+ Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

1.6.1.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Sơ đồ 1.7. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

Trình tự ghi sổ kế toán:

- ❖ Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ sổ

liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung, để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

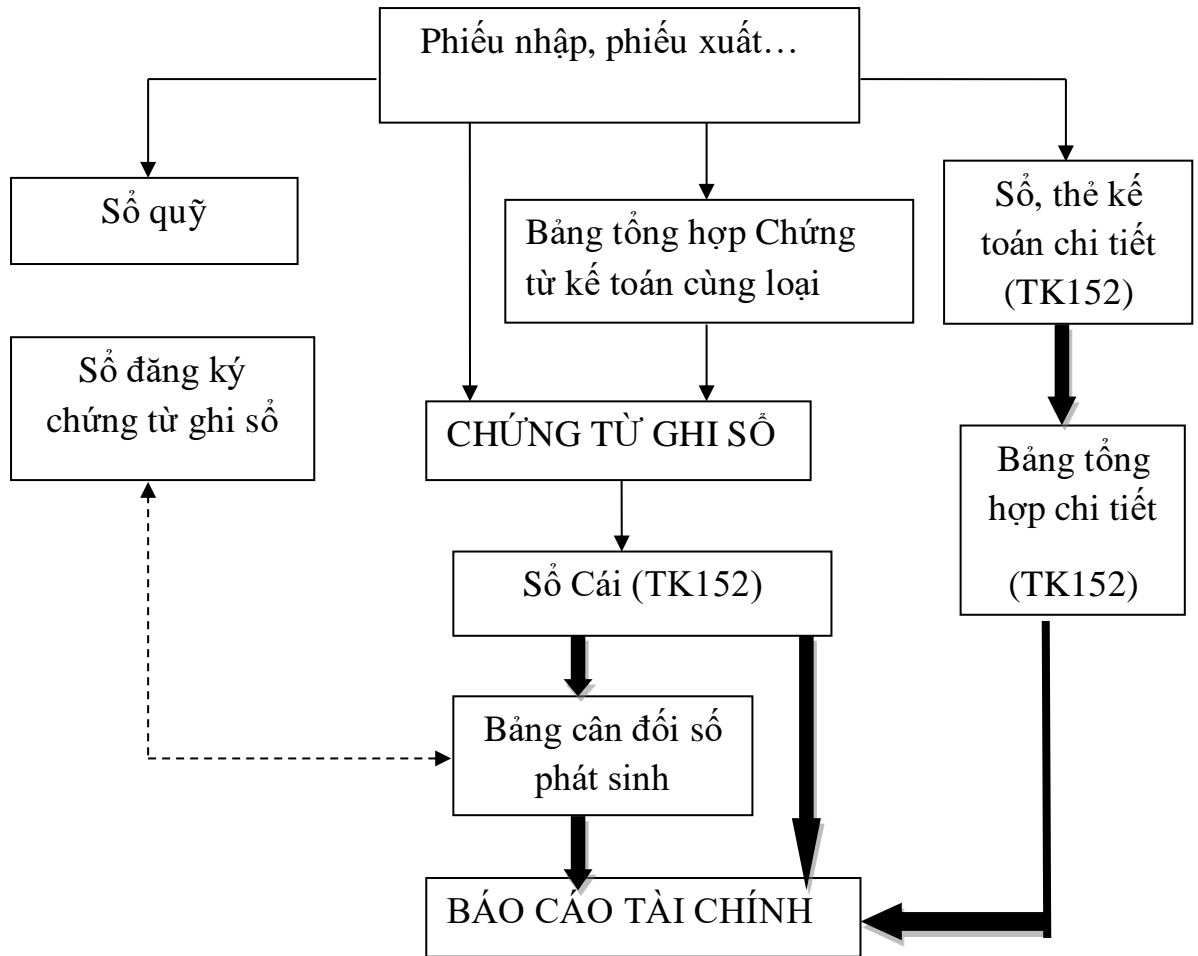
- ❖ Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.
- ❖ Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.
- ❖ Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung.

1.6.2. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

1.6.2.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

- Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”.
- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ cái.
- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.
- Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ kế toán:
 - + Chứng từ ghi sổ.
 - + Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
 - + Sổ Cái.
 - + Các Sổ, thẻ kế toán chi tiết.

1.6.2.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Sơ đồ 1.8. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————→
- Ghi cuối tháng —————→
- Đối chiếu, kiểm tra ←-----→

Trình tự ghi sổ:

- ❖ Hàng ngày, căn cứ vào các Chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký chứng

từ ghi sổ, sau đó ghi vào Sổ cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

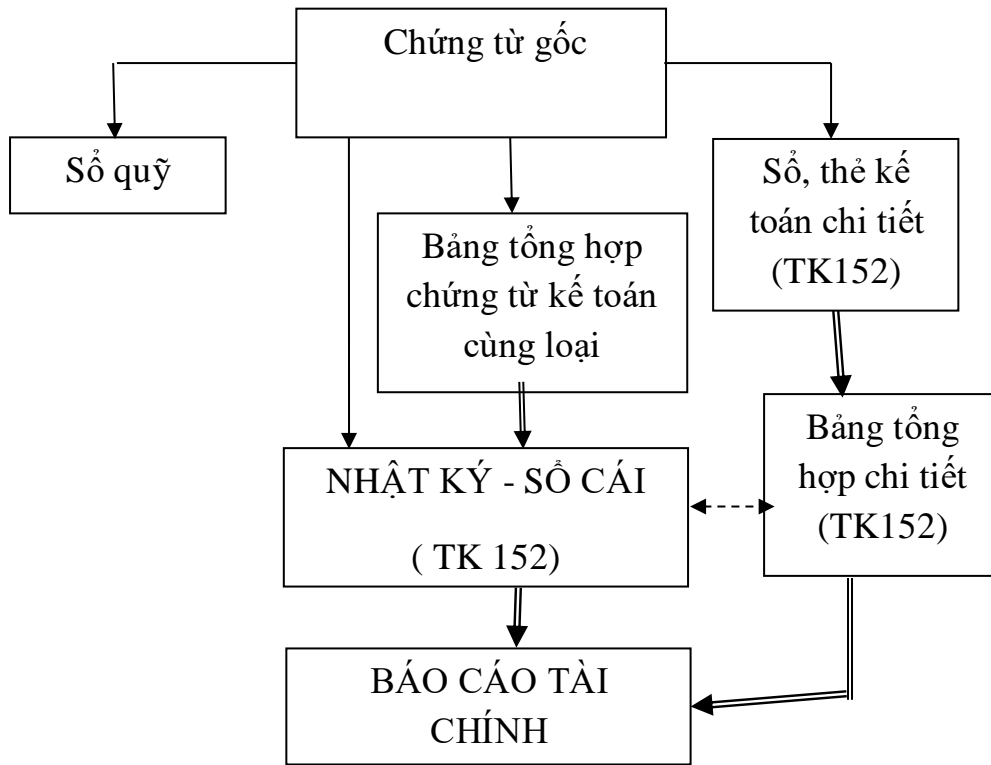
- ❖ Cuối tháng phải khóa sổ tính ra tổng số tiền các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, tính ra tổng số phát sinh Nợ/Có và số dư của từng tài khoản trên Sổ cái. Căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối tài khoản.
- ❖ Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng lập Báo cáo tài chính.
- ❖ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo tổng số tài khoản Nợ và tổng số tài khoản Có của tất cả các tài khoản trên bảng cân đối số tài khoản phải bằng nhau và bằng tổng số tiền phát sinh trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
- ❖ Tổng số dư Nợ và tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng cân đối số tài khoản phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên bảng cân đối số tài khoản phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên bảng tổng hợp chi tiết.

1.6.3. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái

1.6.3.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái

- ✓ Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.
- ✓ Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:
 - Nhật ký - Sổ Cái.
 - Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

1.6.3.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái



Sơ đồ 1.9. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký sổ cái

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

Trình tự ghi sổ:

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký - Sổ Cái. Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và phần Sổ Cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu

xuất, phiếu nhập,...) phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày. Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi Sổ Nhật ký - Sổ Cái, được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Sổ Nhật ký - Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký - Sổ Cái.

- Khi kiểm tra, đối chiếu số cộng cuối tháng (cuối quý) trong Sổ Nhật ký - Sổ Cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số tiền của cột} \\ \text{“Phát sinh” ở phần} \\ \text{Nhật ký} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số phát sinh} \\ \text{Nợ của tất cả các TK} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số phát sinh} \\ \text{Có của tất cả các TK} \end{array}$$

Tổng số dư Nợ các Tài khoản = Tổng số dư Có các tài khoản

- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khóa sổ để cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số liệu khóa sổ của các đối tượng lập “Bảng tổng hợp chi tiết” cho từng tài khoản. Số liệu trên “Bảng tổng hợp chi tiết” được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và Số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Sổ Nhật ký - Sổ Cái.

- Số liệu trên Nhật ký - Sổ Cái và trên “Bảng tổng hợp chi tiết” sau khi khóa sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

1.6.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính

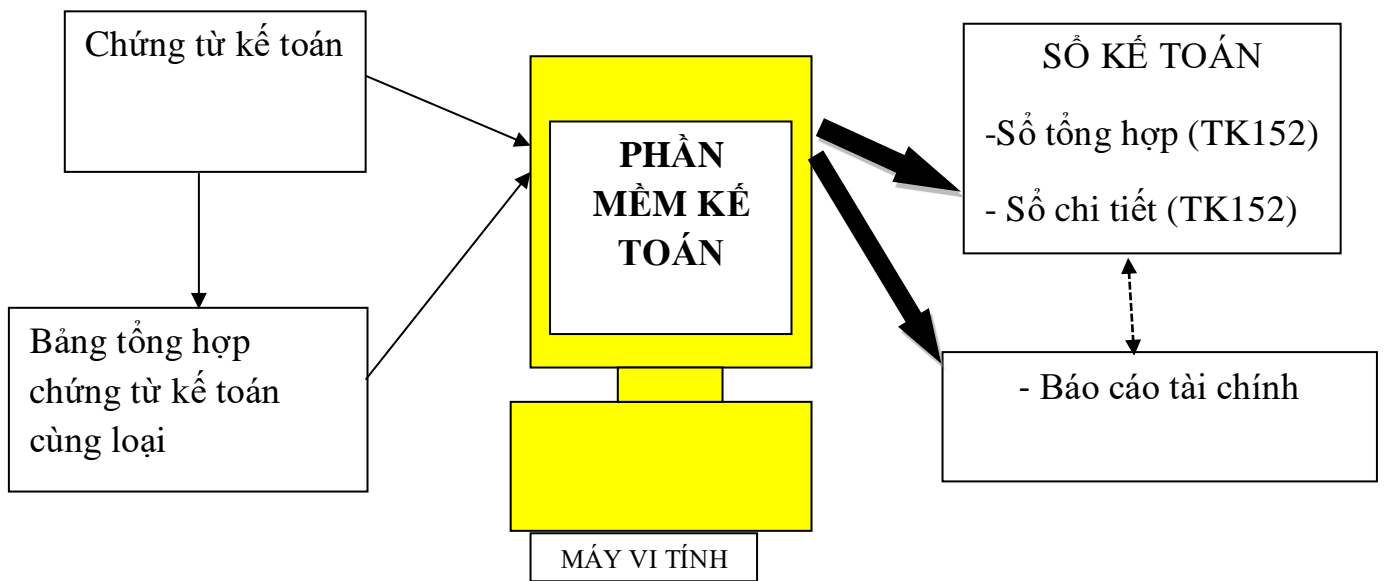
1.6.4.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính

- Là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong

bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

- Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính: phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

1.6.4.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Sơ đồ 1.10. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính

Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày hàng ngày —————→

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm —————→

Đối chiếu, kiểm tra ← - - - - - →

Trình tự ghi sổ:

➤ Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

- Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ cái hoặc Nhật ký sổ cái) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.
- Cuối tháng (hoặc vào thời điểm cần thiết), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa các số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn bảo đảm chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ.
- Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định và sổ kế toán ghi bằng tay.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NBA

2.1. Khái quát về công ty TNHH một thành viên NBA

- Lịch sử hình thành và phát triển công ty TNHH một thành viên NBA

- Tên doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên NBA

- Địa chỉ doanh nghiệp: 27 Hải Hà, Phường Hồng Hải, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

- Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn

- Các lĩnh vực kinh doanh chủ yếu:

+ Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại

+ Sản xuất sản phẩm từ plastic

+ Xây dựng nhà các loại

+ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

+ Đại lý, môi giới, đấu giá

+ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

+ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

+ Bán lẻ sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

Công ty TNHH một thành viên NBA được thành lập ngày 26 tháng 7 năm 2010, mã số thuế 5701813732, do Cục thuế tỉnh Quảng Ninh quản lý. Công ty TNHH một thành viên NBA hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về mặt tài chính.

- Công ty TNHH một thành viên NBA có trụ sở tại 27 Hải Hà, Phường Hồng Hải, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh. Đi vào hoạt động từ tháng 7 năm 2010 đến nay đã được 8 năm. Địa chỉ doanh nghiệp: 27 Hải Hà, Phường Hồng Hải, TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, công ty luôn quan tâm và chú trọng tới công tác đầu tư đổi mới công nghệ, đào tạo đội ngũ công nhân có tay nghề cao. Trong quá trình hoạt động công ty đã từng bước khẳng định thế mạnh, chỗ đứng của mình trên thị trường.

Các sản phẩm chủ yếu của công ty: Tấm hợp kim loại màu, các sản phẩm từ nhựa plastic...

Nguyên liệu sản xuất của công ty chuyên sử dụng bằng nguyên liệu nhập ngoại, thép hình UC (xà gồ) các loại sản xuất trên dây chuyền tiên tiến hiện đại, tự động của Nhật, Anh. Qua đó Công ty đã khẳng định được thương hiệu của mình và chỗ đứng trên thị trường.

- Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty

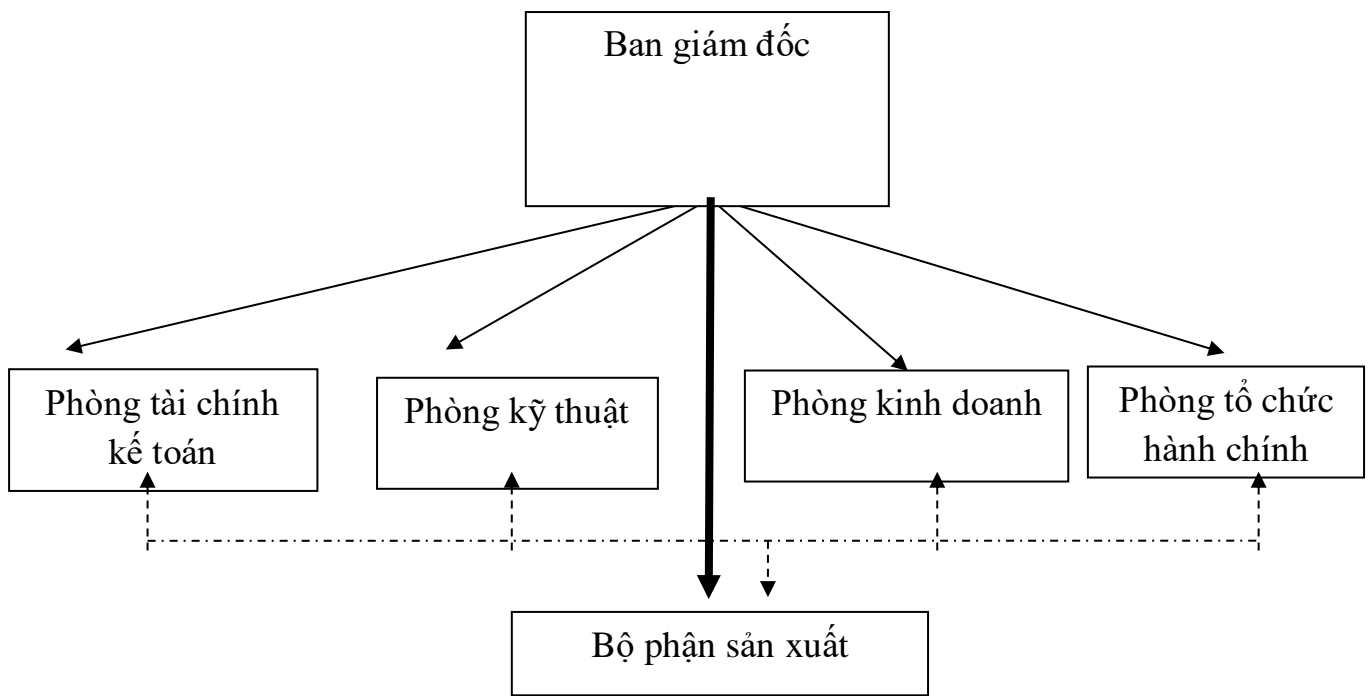
Công ty luôn cố gắng phấn đấu phục vụ cho nhu cầu xây dựng, sử dụng của người tiêu dùng. Ngoài đem lại mục tiêu lợi nhuận của công ty thì công ty còn có nhiệm vụ là một trong những đơn vị góp phần tích cực vào công cuộc phát triển kinh tế nước nhà.

Nhiệm vụ kinh doanh của Công ty là sản xuất kinh doanh tất cả các loại kim loại màu, các sản phẩm từ nhựa plastic, gia công cơ khí, xây dựng các công trình giao thông thủy lợi... đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và theo nhu cầu thị trường trên thế giới. Vì vậy Công ty luôn khai thác hết khả năng của mình để mở rộng sản xuất, mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước cũng như thị trường xuất khẩu: Từ đầu tư sản xuất, cung ứng đến tiêu thụ sản phẩm, liên doanh liên kết với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước, nghiên cứu áp dụng công nghệ kỹ thuật hiện đại tiên tiến, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật có tay nghề cao... Với những sản phẩm chủ lực mũi nhọn, đảm bảo cuộc sống cho cán bộ công nhân toàn Công ty.

2.2. Đặc điểm về tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

Trên cơ sở tổ chức bộ máy quản lý điều hành hoạt động kinh doanh hợp lý, gọn nhẹ mà vẫn đạt mục đích tối ưu trong kinh doanh. Cơ cấu tổ chức bộ máy của

Công ty được thể hiện qua sơ đồ 2.1 sau:



Sơ đồ 2.1.Cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH một thành viên NBA

Chú thích:

- > Quan hệ tham mưu giúp việc
- > Quan hệ kiểm tra giám sát
- > Mọi quan hệ chỉ huy trực tuyến

Qua sơ đồ ta thấy chức năng của các bộ phận phòng ban như sau:

- **Ban giám đốc:** Bao gồm Giám đốc và Phó giám đốc
- + Giám đốc: Là người đại diện pháp lý trước pháp luật đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và đối với cán bộ công nhân viên công ty và đối với cán bộ công nhân viên công ty, tổ chức lãnh đạo chung toàn công ty.

- + Phó giám đốc: Tham mưu, giúp việc cho giám đốc trong việc điều hành các phòng ban, công tác sản xuất của Công ty.

- **Phòng tài chính kế toán:**
- + Phản ánh và giám sát tất cả các hoạt động kinh tế trong kinh tế, quản lý, kiểm tra, hướng dẫn và thực hiện chế độ kế toán - thống kê, quản lý tài chính, tài sản theo Pháp lệnh của Nhà nước, Điều lệ và quy chế tài chính của Công ty.

+ Đáp ứng nhu cầu về tài chính cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo kế hoạch, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty. Đảm bảo nguồn vốn để đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, kiểm tra, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn, tài sản của Công ty.

+ Tổ chức hạch toán, thống kê kế toán, phản ánh chính xác, đầy đủ các số liệu, tình hình luân chuyển các loại vốn trong sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Phòng kỹ thuật :

+ Quản lý, thực hiện và kiểm tra công tác kỹ thuật, thi công nhằm đảm bảo tiến độ, an toàn, chất lượng, khối lượng và hiệu quả kinh tế trong toàn Công ty.

+ Quản lý sử dụng, sửa chữa, mua sắm thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty.

+ Quản lý, bảo quản, sửa chữa, điều động toàn bộ xe máy thiết bị thi công trong toàn Công ty. Lập kế hoạch sửa chữa, mua sắm thiết bị máy móc hàng quý, năm. Phối hợp cùng phòng Kinh doanh, phòng Tài chính kế toán khoán quản ca xe, máy các loại tại các đơn vị trực thuộc Công ty và các đối tác ngoài Công ty.

- Phòng kinh doanh:

+ Giúp Giám đốc về hoạt động kinh doanh của công ty trên tất cả các mặt: Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, dịch vụ trên cơ sở định hướng sản xuất kinh doanh của công ty hàng năm. Theo dõi nắm bắt thị trường để đề xuất các phương án kinh doanh cụ thể.

+ Nghiên cứu chính sách, chế độ pháp luật về kinh tế, tài chính để vận dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua các hợp đồng về kinh tế chặt chẽ, phù hợp.

+ Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh định kỳ của Công ty...

- Phòng tổ chức hành chính:

+ Tham mưu cho giám đốc trong các lĩnh vực về công tác tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, công tác lao động, tiền lương, công tác bảo hộ lao động, các chế độ khác liên quan đến người lao động, công tác tiếp nhận giải quyết đơn từ, khiếu nại.

+ Quản trị nguồn nhân lực, sắp xếp bộ máy quản lý điều hành theo yêu cầu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty.

+ Thực hiện các thủ tục, hồ sơ pháp lý liên quan đến việc thành lập, sáp nhập, giải thể các bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ.

- Bộ phận sản xuất:

+ Chịu trách nhiệm và đảm bảo kế hoạch sản xuất hoàn thành theo kế hoạch đặt ra, đảm bảo chất lượng sản phẩm khi cung cấp cho khách hàng.

+ Phối hợp với các phòng ban chức năng trong Công ty vận hành an toàn, hiệu quả các thiết bị được giao theo quy trình Công ty đã ban hành.

2.3. Đặc điểm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Căn cứ mục tiêu phát triển kinh tế của Công ty và nhu cầu của thị trường tiêu thụ, Công ty đã xây dựng kế hoạch dài hạn về phương án kinh doanh, phương án nguyên liệu và phương án sản phẩm. Công ty đã xây dựng các ngành nghề kinh doanh như sau:

- Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi.
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Cung ứng vật tư.

2.4. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH một thành viên NBA

Trong 3 năm gần đây, Công ty TNHH một thành viên NBA đã có những chính sách kinh doanh nhất định để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất. Kết quả đó được thể hiện qua bảng sau:

**Bảng 2.1. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty qua 3 năm
(2015-2017)**

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 | So sánh 2016/2015 | | So sánh 2017/2016 | | BQ (%) |
|-----|------------------------------|---------------|----------------|----------------|-------------------|--------|-------------------|--------|--------|
| | | | | | Chênh lệch | LH (%) | Chênh lệch | LH (%) | |
| 1 | DT bán hàng và CCDV | 8.901.187.081 | 11.275.091.846 | 13.386.735.900 | 2.373.904.765 | 126,67 | 2.111.644.054 | 118,73 | 122,63 |
| 2 | Các khoản giảm trừ DT | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 3 | DDT về BH và CCDV | 8.901.187.081 | 11.275.091.846 | 13.386.735.900 | 2.373.904.765 | 126,67 | 2.111.644.054 | 118,73 | 122,63 |
| 4 | Giá vốn bán hàng | 6.200.217.936 | 8.192.382.200 | 9.590.280.780 | 1.992.164.264 | 132,13 | 1.397.898.580 | 117,06 | 124,37 |
| 5 | LN gộp về BH và CCDV | 2.700.969.145 | 3.082.709.646 | 3.796.455.120 | 381.740.501 | 114,13 | 713.745.474 | 123,15 | 118,56 |
| 6 | DT hoạt động TC | 2.001.492 | 1.802.860 | 2.372.590 | -198.632 | 90,08 | 569.730 | 131,60 | 108,88 |
| 7 | Chi phí TC | 21.097.926 | 25.292.730 | 22.482.820 | 4.194.804 | 119,88 | -2.809.910 | 88,89 | 103,23 |
| | <i>Trong đó: CP lãi vay</i> | 21.097.926 | 25.292.730 | 22.482.820 | 4.194.804 | 119,88 | -2.809.910 | 88,89 | 103,23 |
| 8 | Chi phí bán hàng | 500.821.140 | 600.250.400 | 647.292.680 | 99.429.260 | 119,85 | 47.042.280 | 107,84 | 113,69 |
| 9 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 851.192.280 | 1.001.827.500 | 1.287.927.680 | 150.635.220 | 117,70 | 286.100.180 | 128,56 | 123,01 |
| 10 | Lợi nhuận thuần | 1.329.859.291 | 1.457.141.876 | 1.841.124.530 | 127.282.585 | 109,57 | 383.982.654 | 126,35 | 117,66 |
| 11 | Thu nhập khác | 2.750.820 | 3.293.820 | 2.861.930 | 543.000 | 119,74 | -431.890 | 86,89 | 102,00 |
| 12 | Chi phí khác | 1.726.927 | 2.108.376 | 1.260.760 | 381.449 | 122,09 | -847.616 | 59,80 | 85,44 |
| 13 | Lợi nhuận khác | 1.023.893 | 1.185.444 | 1.601.170 | 161.551 | 115,78 | 415.726 | 135,07 | 125,05 |
| 14 | Lợi nhuận trước thuế | 1.330.883.184 | 1.627.926.870 | 2.001.725.420 | 297.043.686 | 122,32 | 373.798.550 | 122,96 | 122,64 |
| 15 | Chi phí thuế TNDN hiện hành | 266.176.637 | 325.585.374 | 400.345.084 | 59.408.737 | 122,32 | 74.759.710 | 122,96 | 122,64 |
| 16 | Chi phí thuế TNDN hoãn lại | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 17 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | 1.064.706.547 | 1.302.341.496 | 1.601.380.336 | 237.634.949 | 122,32 | 299.038.840 | 122,96 | 122,64 |

(Nguồn tài liệu: Trích từ BCTC của công ty TNHH một thành viên NBA)

- Tổng doanh thu của Công ty qua 3 năm tăng 122,63% (tăng 22,63 %) trong đó tổng doanh thu của năm 2016 so với 2015 là tăng 2.373.904.765đ tương ứng tăng 126,67% (tăng 26,67%), năm 2017 so với năm 2016 tăng 2.111.644.054đ tương ứng tăng 118,73%. Doanh thu của Công ty tăng qua 3 năm là do lượng khách hàng của Công ty tăng lên. Điều này là do nhu cầu xây dựng ngày càng nhiều khi nền kinh tế phục hồi. Ngoài ra Công ty ngày càng tạo được sự tin tưởng của người tiêu dùng vào các sản phẩm của Công ty trên thị trường.

- Giá vốn hàng bán tăng với tốc độ tăng trưởng bình quân là 124,37 % (tăng 24,37%). Đây là nhân tố quan trọng trực tiếp làm giảm tổng lợi nhuận của Công ty. Sở dĩ giá vốn tăng là do sự biến động của giá cả thị trường.

- Lợi nhuận gộp của Công ty qua 3 năm tăng 118,56% (tăng 18,56%) trong đó lợi nhuận gộp năm 2016 so với 2015 tăng 381.740.501đ tương ứng tăng 114,13% (tăng 14,13%), năm 2017 so với năm 2016 tăng 381.740.501đ tương ứng tăng 123,15% (tăng 23,15%) điều đó chứng tỏ công ty đã có những chính sách kinh doanh đúng đắn.

- Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty qua 3 năm tăng với tốc độ 108,88 %. Đáng chú ý là doanh thu từ hoạt động tài chính năm 2016 so với 2015 giảm 9,92 % là do Công ty để tiền mặt tại quỹ nhiều.

- Chi phí bán hàng qua 3 năm của doanh nghiệp qua 3 năm tăng với tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 113,69% (tăng 13,69%). Chi phí quản lý doanh nghiệp qua 3 năm tăng với tốc độ tăng trưởng bình quân 123,01%. Đây là những yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

- Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế của Công ty qua 3 năm tăng với tốc độ tăng trưởng bình quân là 122,64% (tăng 22,64%). Chỉ tiêu này cho thấy mức độ hoạt động có hiệu quả của Công ty không ngừng tăng lên. Điều này phản ánh Công ty đã có những chính sách kinh doanh hợp lý như tìm kiếm thị trường đầu vào và thị trường đầu ra có giá cả ổn định hợp lý, phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp, đảm bảo doanh nghiệp kinh doanh có lãi.

- Qua phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty qua 3 năm 2015-2017 về mặt giá trị ta thấy các chỉ tiêu có sự biến động là do nhiều nguyên nhân khác nhau. Mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty luôn cố gắng xây dựng những chiến lược kinh doanh phù hợp để đạt được những hiệu quả kinh doanh cao nhất.

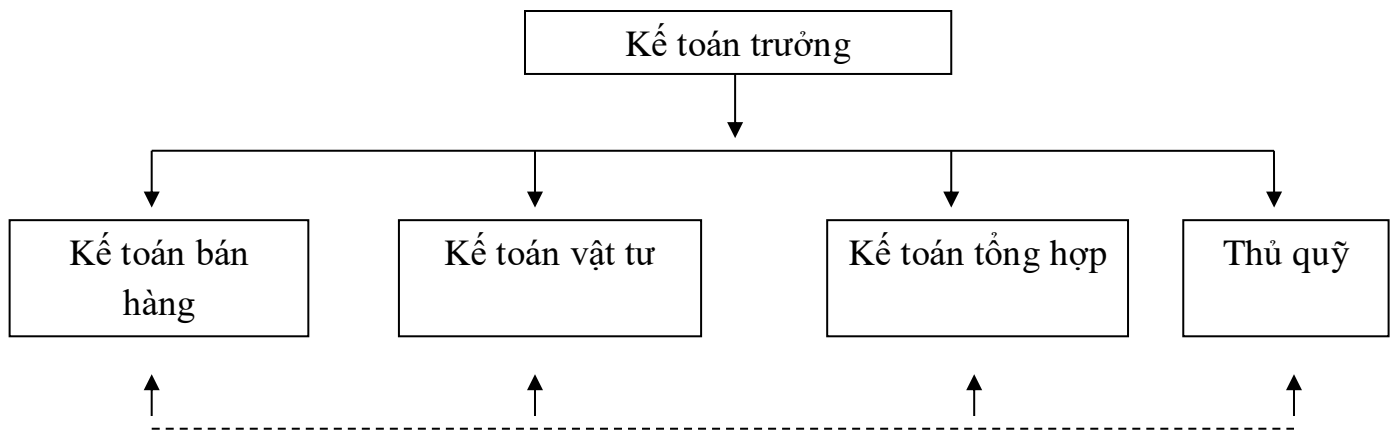
2.5. Đặc điểm chung về công tác kế toán của Công ty

2.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty TNHH một thành viên NBA

Công ty TNHH một thành viên NBA là một công ty sản xuất hiện nay căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, phạm vi hoạt động và cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán Công ty lựa chọn hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung.

Phòng kế toán là nơi tập hợp toàn bộ chứng từ và xử lý theo từng phần hành công việc, các nhân viên kế toán có nhiệm vụ thống kê và hạch toán ban đầu, theo dõi thu thập thông tin, kiểm tra sơ bộ chứng từ và phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến hoạt động của bộ phận đó rồi gửi chứng từ đó về kế toán trưởng.

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, áp dụng giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập đối với hàng xuất kho.



Sơ đồ 2.2. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty TNHH một thành viên NBA

Chú thích:

- > Quan hệ trực tuyến
- > Quan hệ chức năng

- **Kế toán trưởng:** Phụ trách công tác kế toán chung, có nhiệm vụ tổ chức điều hành toàn bộ hệ thống kế toán của Công ty, chỉ đạo thống nhất trong phòng tài chính kế toán. Kế toán trưởng còn là người giúp việc cho giám đốc về chuyên môn.

- **Kế toán bán hàng:** Có nghĩa vụ theo dõi tình hình bán hàng, ghi hóa đơn bán hàng, hóa đơn giá trị gia tăng căn cứ vào giấy đề nghị bán hàng của nhân viên bán hàng.

- **Kế toán vật tư:** Tổ chức ghi chép, phản ánh tổng hợp số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển, bảo quản, tình hình nhập, xuất và tồn kho vật liệu. Tính giá thành thực tế vật liệu đã thu mua và nhập kho, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch thu mua vật liệu tư về các mặt: số lượng, chủng loại, giá cả, thời hạn nhằm đảm bảo cung cấp kịp thời, đầy đủ, đúng chủng loại cho quá trình thi công xây lắp.

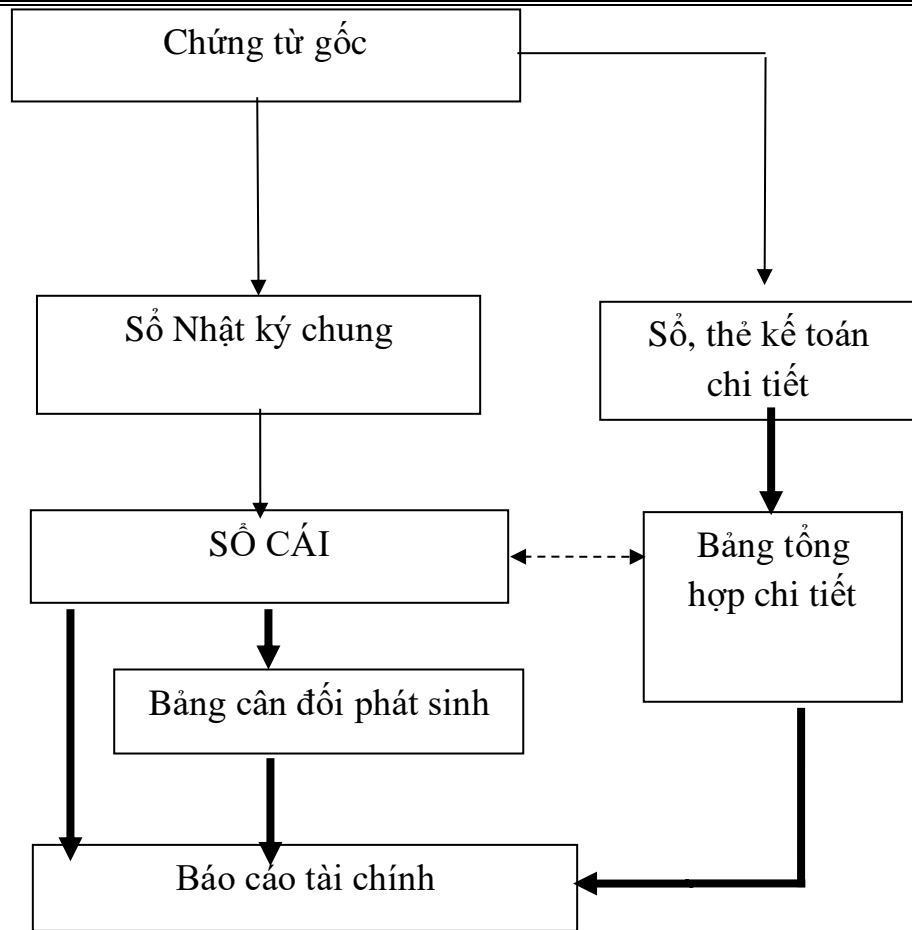
- **Kế toán tổng hợp:** Có nhiệm vụ tổng hợp các số liệu phát sinh trong kỳ, thực hiện công tác kế toán cuối kỳ, giữ sổ cái tổng hợp cho tất cả các phân hành lập bảng tổng hợp, cân đối thu chi tài chính và lập báo cáo tài chính kế toán.

- **Thủ quỹ:** Là người thực hiện các nghiệp vụ thu, chi phát sinh trong ngày, thu hồi tiền bán hàng do nhân viên bán hàng nộp, căn cứ theo chứng từ hợp lệ, ghi sổ quỹ và lập báo cáo quỹ của Công ty theo quy định.

Các phân hành kế toán có trách nhiệm hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình đồng thời phải liên hệ và phối hợp với các phân hành khác để đạt hiệu quả cao nhất trong công việc.

2.5.2. Hình thức tổ chức sổ kế toán áp dụng tại Công ty

Mô hình hạch toán kế toán của Công ty được thực hiện theo hình thức Nhật ký chung.



Sơ đồ 2.3. Quy trình ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung

Chú thích

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng
- ←- - - - -> Quan hệ đối chiếu.

2.5.3. Hệ thống tài khoản kế toán áp dụng tại Công ty

Công ty sử dụng theo hệ thống tài khoản quy định chung trong chế độ kế toán theo Thông tư 133/2016/TT-BTC được ban hành ngày 26/8/2016.

2.5.4. Các chế độ kế toán áp dụng tại Công ty

- Niên độ kế toán của Công ty: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong hạch toán kế toán: VNĐ
- Tỷ giá sử dụng khi quy đổi ngoại tệ: Theo tỷ giá quy đổi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại từng thời điểm.
- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: theo trị giá gốc
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: phương pháp tính giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

- Kế toán thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ.
- Khấu hao tài sản cố định: theo đường thẳng.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên
- Kế toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp: thẻ song song

2.6. Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên NBA

2.6.1. Đặc điểm, phân loại nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên NBA

2.6.1.1. Đặc điểm nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên NBA.

Nguyên liệu vật liệu là đối tượng chính cấu thành nên sản phẩm, là tài sản dự trữ trong kinh doanh, được mua sắm bằng nguồn vốn lưu động của Công ty. Khi tham gia vào quá trình sản xuất, vật liệu được chuyển toàn bộ giá trị thành phẩm sản xuất. Chặt chẽ qua từng khâu thu mua, bảo quản, dự trữ, để đảm bảo tính hiệu quả, hạn chế việc hư hỏng mất mát nguyên vật liệu.

Do chức năng chính của công ty là gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại, xây dựng các công trình dân dụng nên nguyên vật liệu chính mà doanh nghiệp sử dụng là thép, sắt, hàn mỗ, dầu Diezen, xi măng, cát, đá.... Từ những đặc điểm trên cho thấy việc quản lý nguyên vật liệu của công ty ta thấy rằng việc sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu trong sản xuất kinh doanh là biện pháp tích cực nhằm hạ thấp giá thành, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Vì vậy, cần phải quản lý chặt chẽ và hạch toán chi tiết chi phí nguyên vật liệu ở tất cả các khâu thu mua, bảo quản, sử dụng và vận chuyển nguyên vật liệu đặc biệt là nguyên vật liệu chính.

2.6.1.2. Phân loại nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên NBA

➤ Phân loại nguyên vật liệu

Căn cứ vào nội dung kinh tế và yêu cầu quản trị thì nguyên vật liệu của Công ty chia thành các loại như sau:

+Vật liệu chính: Là đối tượng lao động chủ yếu cấu thành nên thực thể của chính phẩm. Bao gồm: Thép, nhựa plastic, sắt, xi măng, thép, đá ...

+Vật liệu phụ: Là loại vật liệu chỉ có tác dụng phụ trong quá trình sản xuất, chế tạo ra sản phẩm, phục vụ cho công tác quản lý phục vụ sản xuất. Gồm: keo, đinh, ốc

+Văn phòng phẩm: Là các loại vật liệu trang bị cho công tác quản lý hành chính ở các phòng, ban khác nhau trong Công ty. Gồm có: bút bi, bút chì, mực in, giấy các loại ...

+**Nhiên liệu:** Cung cấp nhiệt lượng cho quá trình sản xuất kinh doanh tạo điều kiện cho quá trình chế tạo ra sản phẩm diễn ra liên hoàn. Gồm có: Dầu máy, dầu diezen ...

+**Phụ tùng thay thế:** Là những chi tiết phụ tùng máy móc mà doanh nghiệp mua về phục vụ cho việc thay thế các bộ phận của các phương tiện vận tải, máy móc thiết bị mà công ty sử dụng. Gồm có: So máy, vòng bi, mũi khoan, săm lốp ô tô

2.6.2. Kiểm kê, tính giá nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên NBA

Việc tính giá vật liệu là khâu quan trọng trong tổ chức kế toán nguyên vật liệu. Thực tế việc đánh giá nguyên vật liệu ở công ty như sau:

- Đối với NVL nhập kho:

+ Giá mua ghi trên hóa đơn là giá chưa có thuế VAT.

+ Chi phí thu mua là những chi phí phát sinh trong quá trình mua bao gồm: Vận chuyển, xếp dỡ, hao hụt tự nhiên, ...

+ Các khoản giảm trừ bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua.

$$\text{Giá thực tế vật liệu mua ngoài} = \text{Giá thực tế (Giá trị trên hóa đơn)} + \text{Chi phí thu mua thực tế} - \text{Các khoản giảm trừ (chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua)}$$

- Đối với NVL xuất kho:

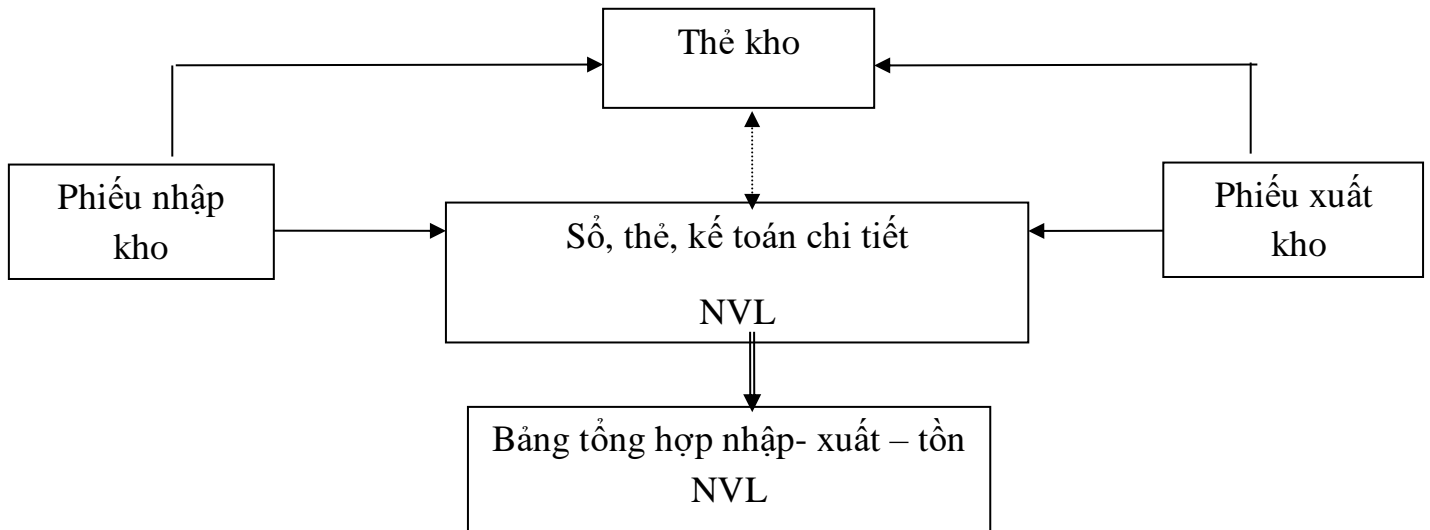
Công ty tính giá trị thực tế vật liệu xuất kho theo *phương pháp đơn giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập*. Phương pháp này được công ty áp dụng thống nhất trong suốt niên độ kế toán:

$$\text{Đơn giá bình quân Sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá thực tế từng loại tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng thực tế NVL tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

2.6.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên NBA

➤ **Phương pháp kế toán chi tiết NVL tại Công ty**

Việc hạch toán chi tiết NVL ở Công ty theo phương pháp thẻ song song. Trình tự kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại Công ty được mô tả qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.4. Sơ đồ kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song

Chú thích:

- Ghi hàng ngày
- ====→ Ghi cuối tháng
- ◄-----► Đối chiếu kiểm tra

➤ **Chứng từ, sổ sách sử dụng**

Để theo dõi tình hình nhập- xuất- tồn NVL kế toán phải lập các chứng từ để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh lượng nhập, xuất NVL. Các chứng từ kế toán sử dụng chủ yếu:

- Hóa đơn bán hàng
- Phiếu nhập kho: Mẫu số 01-VT
- Phiếu xuất kho: Mẫu số 02 –VT
- Ngoài ra còn sử dụng hóa đơn GTGT.

➤ Thủ tục nhập kho NVL:

+ Đưa vật tư vào nhập kho có các chứng từ sau: hợp đồng kinh tế hoặc biên bản duyệt giá, tờ trình, báo giá đã được Giám đốc duyệt và các giấy tờ có liên quan khác nếu cần.

+ Kiểm tra vật tư, công cụ: vật tư, công cụ nhập kho phải lập biên bản kiểm nhập về số lượng, chất lượng, số chế tạo (nếu có), nơi sản xuất hoặc cung cấp, thành viên kiểm tra ký nhận. Bộ phận kiểm nhập bao gồm các thành phần: Phó giám đốc thuộc lĩnh vực phân công, đại diện phòng chuyên môn kỹ thuật thuộc lĩnh vực được phân công, phòng vật tư, người giao hàng, thủ kho, các thành phần kinh tế khác (nếu cần thiết).

+ Phiếu nhập kho, thẻ kho:

✓ Tất cả vật tư, công cụ nhập kho đều phải có phiếu nhập kho cụ thể, phiếu nhập kho phải thể hiện đầy đủ rõ ràng: ngày, tháng nhập, số hóa đơn, đơn vị bán hàng, mã vật tư, tên hàng, quy cách, nơi sản xuất, số lượng, đơn giá, thành tiền và phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của những người liên quan (người nhập, thủ kho, phụ trách quản lý vật tư, công cụ).

✓ Tất cả vật tư, công cụ trong kho đều được theo dõi thông qua thẻ kho. Thủ kho phải ghi đầy đủ các nội dung về vật tư vào thẻ kho (tên, mã vật tư, số chế tạo, quy cách nếu có, số lượng, đơn giá...) bao gồm cả thông tin về thời gian nhập, đơn vị nhập vật tư, thời gian xuất, đơn vị lĩnh vật tư, lý do xuất.

✓ Nếu phát hiện thiếu hoặc không đúng quy cách, chất lượng, thủ kho phải báo cáo phòng vật tư, đồng thời cùng kế toán lập biên bản để làm căn cứ giải quyết với nhà cung cấp.

✓ Biên bản phải bao gồm đầy đủ chữ ký của các thành phần tham gia như thủ kho, kế toán, chủ hàng, bộ phận kỹ thuật sau đó Giám đốc ký.

✓ Nếu hàng đủ và đúng chất lượng, thủ kho vào sổ rồi chuyển các chứng từ lên phòng vật tư.

- Căn cứ vào hóa đơn, biên bản kiểm kê, kiểm nghiệm và đối chiếu với hợp đồng đã ký về số lượng, chủng loại, chất lượng NVL, phòng quản lý vật tư viết phiếu nhập kho. Hàng hóa trước khi nhập kho phải được kiểm nhận, kiểm nghiệm và có biên bản. Thành phần ban kiểm nghiệm bao gồm các đại diện của các phòng ban kỹ thuật, nghiệp vụ chức năng theo quy định cụ thể của ban Giám đốc công ty.

– Thủ tục nhập kho gồm:

- ✓ Bảng kê nhu cầu vật tư, dụng cụ theo quy chế khoán của công ty.
- ✓ Văn bản đề nghị mua, nhập kho và thanh toán giá trị vật tư khoán được Giám đốc duyệt.
- ✓ Báo giá chào hàng.
- ✓ Hóa đơn bán hàng do Bộ Tài Chính phát hành.
- ✓ Biên bản nghiệm thu vật tư.
- ✓ Phiếu nhập kho.

Phiếu nhập kho phải được lập thành 3 liên:

Liên 1: Lưu ở phòng quản lý vật tư.

Liên 2: Giao cho thủ kho để ghi vào thẻ kho theo chỉ tiêu số lượng và chuyển lên phòng kế toán để kế toán vật liệu ghi vào sổ kế toán.

Liên 3: Kèm theo hóa đơn để thanh toán.

Ví dụ 2.1: Vào ngày 03/11/2017 Công ty mua 25.000 m² Tôn mạ kẽm của công ty TNHH Hoàng Hải theo PNK số 202, giá mua chưa có thuế là 50.382đ/m², thuế suất 10%, theo hóa đơn GTGT số 0000621. Hình thức thanh toán là chuyển khoản, số hàng trên được công ty TNHH Hoàng Hải vận chuyển đến kho nguyên vật liệu đầy đủ và không tính phí vận chuyển:

Trích hóa đơn GTGT (Biểu số 2.1), Công ty lập biên bản kiểm nghiệm vật tư (Biểu số 2.2), Lập phiếu nhập kho (Biểu số 2.3)

Ví dụ 2.2: Vào ngày 05/11/2017 công ty mua 800kg Thép F65 của Công ty TNHH Hoàng Sơn HL theo PNK số 209, giá mua chưa thuế là 20.000đ/kg, thuế xuất 10%, theo hóa đơn GTGT số 0000677. Công ty đã thanh toán bằng chuyển khoản.

Khi nhận được hóa đơn GTGT (Biểu số 2.4) và hàng về đến kho của Công ty cán bộ phụ trách vật tư thực hiện kiểm nghiệm vật tư (Biểu số 2.5)

Sau khi kiểm nghiệm vật tư, vật tư đầy đủ tiêu chuẩn, kế toán lập phiếu nhập kho (Biểu số 2.6)

Biểu số 2.1.Hóa đơn GTGT**HÓA ĐƠN****Mẫu số: 01GTKT3/001****GIÁ TRỊ GIA TĂNG****Ký hiệu: AA/17P**

Liên 2: Giao cho khách hàng

Số: 0000621

Ngày 03 tháng 11 năm 2017

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Hoàng Hải

Địa chỉ: Số 368, Tổ 7, phường Cao Xanh, Hạ Long, Quảng Ninh

Mã số thuế: 5701940603

Điện thoại: 02033.729003

Số tài khoản: 2634100011006

Mở tại ngân hàng Á CHÂU Quảng Ninh

Họ tên người mua hàng: Trần Quang Minh

Tên đơn vị: Công ty TNHH một thành viên NBA

Địa chỉ: Số 27 Hải Hà, phường Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh

Mã số thuế: 5701813732

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Số tài khoản: 0141000855032

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|--|-----------------------|----------------|----------|---------|---------------|
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1x2 |
| 1 | Tôn mạ kẽm | M ² | 25.000 | 50.382 | 1.259.550.000 |
| Cộng tiền hàng | | | | | 1.259.550.000 |
| Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT | | | | | 125.955.000 |
| Tổng cộng tiền thanh toán | | | | | 1.385.505.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: Một tỷ ba trăm tám mươi lăm triệu năm trăm linh năm ngàn đồng | | | | | |

Người mua hàng**Người bán hàng****Thủ trưởng đơn vị***(Ký, ghi rõ họ tên)**(Ký, ghi rõ họ tên)**(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Biểu số 2.2. Biên bản kiểm nghiệm vật tư**Đơn vị: Công ty TNHH một****Mẫu số: 03-VT****thành viên NBA***(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-***Địa chỉ: 27, Hải Hà, Phường****BTC****Hồng Hải, Thành Phố Hạ Long,***Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)***Tỉnh Quảng Ninh****BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM****VẬT TƯ, CÔNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**

Ngày 03 tháng 11 năm 2017

Số: 212

Căn cứ vào hóa đơn số:0000621 ngày 03 tháng 11 năm 2017 của Công ty TNHH Hoàng Hải.

Ban kiểm kê bao gồm:

1. Ông (bà): Nguyễn Thanh Giang – Trưởng ban
2. Ông (bà): Trần Thanh Đức - Ủy viên

Đã kiểm nghiệm các loại vật tư sau đây:

| STT | Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật liệu | Phương thức kiểm nghiệm | ĐVT | Số lượng | Kết quả kiểm nghiệm | | Ghi chú |
|-----|---|-------------------------|----------------|----------|----------------------------------|--|---------|
| | | | | | Số lượng đúng quy cách phẩm chất | Số lượng không đúng quy cách phẩm chất | |
| 1 | Tôn mạ kẽm | | M ² | 25.000 | 25.000 | 0 | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |

Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Hàng đủ tiêu chuẩn về số lượng và chất lượng

Đại diện kỹ thuật**Thủ kho****Trưởng ban***(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)*

Biểu số 2.3. Phiếu nhập kho

Đơn vị: Công ty TNHH một thành viên NBA

Mẫu số: 01-VT

(Ban hành theo Thông tư số

Địa chỉ: 27, Hải Hà, Phường Hồng Hải, Thành Phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

133/2016/TT-BTC

Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 03 tháng 11 năm 2017

Số: 202

Nợ: TK 1521

Có: TK 112

Họ và tên người giao hàng: Trần Thế Anh

Theo HĐGTGT số 0000621, ngày 03 tháng 11 năm 2017 của Công ty TNHH

Hoàng Hải

Nhập tại kho: Công ty TNHH một thành viên NBA

| STT | Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, SP, HH | Mã số | ĐVT | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền |
|-------|--|-------|----------------|----------|-----------|---------|---------------|
| | | | | Theo CT | Thực nhập | | |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 1 | Tôn mạ kẽm | | M ² | 25.000 | 25.000 | 50.382 | 1.259.550.000 |
| ----- | | | | | | | |
| Cộng | | | | | | | 1.259.550.000 |

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Một tỷ hai trăm năm mươi chín triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng

Số chứng từ gốc kèm theo: Hóa đơn GTGT số 0000621

Ngày 03 tháng 11 năm 2017

Người lập phiếu

Người giao hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.4.Hóa đơn GTGT**HÓA ĐƠN****Mẫu số: 01GTKT3/001****GIÁ TRỊ GIA TĂNG****Ký hiệu: AA/17P**

Liên 2: Giao cho khách hàng

Số: 0000677

Ngày 05 tháng 11 năm 2017

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Hoàng Sơn HL

Địa chỉ: Số 33, Tổ 8, phường Trần Hưng Đạo, Hạ Long, Quảng Ninh

Mã số thuế: 5701970975

Điện thoại: 02033.626333

Số tài khoản: 2634100011066

Mở tại ngân hàng Á CHÂU Quảng Ninh

Họ tên người mua hàng: Trần Quang Hà

Tên đơn vị: Công ty TNHH một thành viên NBA

Địa chỉ: Số 27 Hải Hà, phường Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh

Mã số thuế: 5701813732

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Số tài khoản: 0141000855032

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|--|-----------------------|-------------|----------|---------|------------|
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1x2 |
| 1 | Thép F65 | kg | 800 | 20.000 | 16.000.000 |
| Cộng tiền hàng | | | | | 16.000.000 |
| Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT | | | | | 1.600.000 |
| Tổng cộng tiền thanh toán | | | | | 17.600.000 |
| Số tiền viết bằng chữ: Mười bảy triệu sáu trăm ngàn đồng | | | | | |

Người mua hàng**Người bán hàng****Thủ trưởng đơn vị***(Ký, ghi rõ họ tên)**(Ký, ghi rõ họ tên)**(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Biểu số 2.5. Biên bản kiểm nghiệm vật tư**Đơn vị: Công ty TNHH một****Mẫu số: 03-VT****thành viên NBA***(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-***Địa chỉ: 27, Hải Hà, Phường****BTC****Hồng Hải, Thành Phố Hạ Long,***Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)***Tỉnh Quảng Ninh****BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM****VẬT TƯ, CÔNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**

Ngày 05 tháng 11 năm 2017

Số: 215

Căn cứ vào hóa đơn số: 0000677 ngày 05 tháng 11 năm 2017 của Công ty TNHH Hoàng Sơn HL

Ban kiểm kê bao gồm:

3. Ông (bà): Nguyễn Thanh Hằng – Trưởng ban
4. Ông (bà): Trần Văn Đức - Ủy viên

Đã kiểm nghiệm các loại vật tư sau đây:

| STT | Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật liệu | Phương thức kiểm nghiệm | ĐVT | Số lượng | Kết quả kiểm nghiệm | | Ghi chú |
|-----|---|-------------------------|-----|----------|----------------------------------|--|---------|
| | | | | | Số lượng đúng quy cách phẩm chất | Số lượng không đúng quy cách phẩm chất | |
| 1 | Thép F65 | | kg | 800 | 800 | 0 | |
| | | | | | | | |

Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Hàng đủ tiêu chuẩn về số lượng và chất lượng

Đại diện kỹ thuật**Thủ kho****Trưởng ban***(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)*

Biểu số 2.6. Phiếu nhập kho**Đơn vị: Công ty TNHH một thành****Mẫu số: 01-VT****viên NBA***(Ban hành theo Thông tư số***Địa chỉ: 27, Hải Hà, Phường Hồng****133/2016/TT-BTC****Hải, Thành Phố Hạ Long, Tỉnh***Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)***Quảng Ninh****PHIẾU NHẬP KHO**

Ngày 05 tháng 11 năm 2017

Số: 209

Nợ: TK 1521

Có: TK 112

Họ và tên người giao hàng: Trần Thế Tài

Theo HĐGTGT số 0000677, ngày 05 tháng 11 năm 2017 của Công ty TNHH

Hoàng Sơn HL

Nhập tại kho: Công ty TNHH một thành viên NBA

| STT | Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, SP, HH | Mã số | ĐVT | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền |
|------|--|-------|-----|----------|-----------|---------|------------|
| | | | | Theo CT | Thực nhập | | |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 1 | Thép F65 | | kg | 800 | 800 | 20.000 | 16.000.000 |
| | | | | | | | |
| Cộng | | | | | | | 16.000.000 |

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Mười sáu triệu đồng

Số chứng từ gốc kèm theo: Hóa đơn GTGT số 0000677

Ngày 05 tháng 11 năm 2017

Người lập phiếu**Người giao hàng****Thủ kho****Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)**(Ký, họ tên)*

➤ Thủ tục xuất kho vật liệu:

- ✓ Các đơn vị căn cứ vào nhu cầu sản xuất viết giấy đề nghị cấp vật tư.
- ✓ Các phòng chức năng và các Phó giám đốc duyệt phiếu đề nghị cấp vật tư của các đơn vị theo từng lĩnh vực được Giám đốc phân công.
- ✓ Căn cứ giấy đề nghị cấp vật tư đã được duyệt, các đơn vị viết phiếu xuất vật tư, phiếu xuất vật tư gồm 3 liên (01 liên lưu phòng Kế toán tài chính, 01 liên lưu phòng Quản trị vật tư, 01 liên lưu tại đơn vị lĩnh).
- Phiếu xuất vật tư chỉ viết cho một loại công việc cụ thể.
- Trên phiếu xuất vật tư phải ghi đầy đủ nội dung: ngày, tháng, năm, họ tên người lĩnh hàng, đơn vị lĩnh, tên công việc, lý do xin lĩnh, tên vật tư, quy cách, số chế tạo (nếu có), đơn vị tính, số lượng xin lĩnh. Các phân xưởng khi có nhu cầu cần sử dụng vật liệu, phân xưởng phải có phiếu hạn mức vật tư.
- ✓ Phiếu hạn mức vật tư phải được tính toán khoa học trên cơ sở kế hoạch hàng tháng, mức tiêu hao phù hợp và cụ thể theo từng đối tượng chi phí của từng đơn vị, phiếu hạn mức vật tư được lập riêng cho từng đơn vị.
- ✓ Phiếu hạn mức vật tư do phòng kế hoạch giá thành chịu trách nhiệm lập theo kế hoạch tháng hoặc tuần sản xuất phù hợp với điều kiện sản xuất của công ty tại mỗi thời điểm và trình Giám đốc công ty ký duyệt làm cơ sở cho phòng vật tư lập phiếu xuất vật tư.

Ví dụ 2.3: Ngày 17/11/2017 căn cứ vào phiếu đề nghị cấp vật tư (Biểu số 2.7), Công ty xuất bán 5.000m² tôn mạ kẽm cho công ty TNHH Thanh Vân theo phiếu xuất kho số 237 (Biểu số 2.8)

Tồn đầu kì: Số lượng: 3.000 m², đơn giá hàng tồn là 50.000 đ/m²

Cách xác định đơn giá tôn mạ kẽm như sau:

Trị giá tôn mạ kẽm tồn đầu kỳ là 150.000.000 đ. Trong đó, số lượng hàng tồn là 3.000m². Đơn giá hàng tồn là 50.000 đ/m²

Ngày 3/11/2017, Công ty mua tôn mạ kẽm nhập kho số lượng là 25.000m², đơn giá nhập kho là 50.382đ/m², tổng trị giá hàng nhập kho là 1.259.550.000

Vậy đơn giá tôn mạ kẽm xuất kho ngày 17/11/2017 được tính như sau:

$$\begin{array}{l}
 \text{Đơn giá} \\
 \text{Tôn mạ} \\
 \text{kẽm}
 \end{array}
 = \frac{(3.000 \times 50.000) + (25.000 \times 50.382)}{3.000+25.000} = 50.341\text{đ/m}^2$$

Biểu số 2.7. Phiếu đề nghị cấp vật tư

Đơn vị: Công ty TNHH một thành viên NBA

Mẫu số 01/KHTC-CCVT

Địa chỉ: 27, Hải Hà, Phường Hồng Hải, Thành Phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU ĐỀ NGHỊ CẤP VẬT TƯ

Kính gửi: Giám đốc Công ty TNHH một thành viên NBA

Người đề nghị: Trần Thanh Nghị

Bộ phận: Công ty TNHH Thanh Vân

Đề nghị xuất vật tư

| STT | Tên vật tư | ĐVT | Số lượng | Kết quả kiểm tra |
|-----|------------|----------------|----------|------------------|
| 1 | Tôn mạ kẽm | M ² | 5.000 | Đạt |
| | | | | |
| | | | | |

Kết luận: Đạt yêu cầu

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Người đề nghị

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.8. Phiếu xuất kho

Đơn vị: Công ty TNHH một thành viên
NBA
Địa chỉ: 27, Hải Hà, Phường Hồng Hải,
 Thành Phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số 02-VT
 (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
 Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 17 tháng 11 năm 2017

Số: 237

Nợ TK: 154

Có TK: 152

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Đình Trọng

Địa chỉ: Phân xưởng sản xuất

Lý do xuất kho: Xuất bán cho công ty TNHH Thanh Vân

Xuất tại kho: Công ty. Địa chỉ: Yết Kiêu - TP Hạ Long, tỉnh QN

| STT | Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, SP, HH | Mã số | ĐVT | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền |
|-------------|--|-------|----------------|----------|-----------|---------|-------------|
| | | | | Yêu cầu | Thực xuất | | |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 1 | Tôn mạ kẽm | | m ² | 5.000 | 5.000 | 50.341 | 251.705.000 |
| ----- | | | | | | | |
| Cộng | | | | 5.000 | 5.000 | | 251.705.000 |

Tổng số tiền bằng chữ: Hai trăm năm mươi một triệu bảy trăm linh lăm ngàn đồng.

Ngày 17 tháng 11 năm 2017

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người nhận hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.9. Phiếu đề nghị cấp vật tư

Đơn vị: Công ty TNHH một thành viên NBA

Mẫu số 01/KHTC-CCVT

Địa chỉ: 27, Hải Hà, Phường Hồng Hải, Thành Phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU ĐỀ NGHỊ CẤP VẬT TƯ

Kính gửi: Giám đốc Công ty TNHH một thành viên NBA

Người đề nghị: Trần Thanh Xuân

Bộ phận: Công ty vận tải Minh Đức

Đề nghị xuất vật tư

| STT | Tên vật tư | ĐVT | Số lượng | Kết quả kiểm tra |
|-----|------------|-----|----------|------------------|
| 1 | Thép F65 | kg | 400 | Đạt |
| | | | | |
| | | | | |

Kết luận: Đạt yêu cầu

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Người đề nghị

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.10. Phiếu xuất kho

Đơn vị: Công ty TNHH một thành viên NBA
 Địa chỉ: 27, Hải Hà, Phường Hồng Hải,
 Thành Phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số 02-VT
 (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC)

Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 28 tháng 11 năm 2017

Số: 258

Nợ TK: 154

Có TK: 152

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Xuân Trọng

Địa chỉ: Phân xưởng sản xuất

Lý do xuất kho: Xuất bán cho công ty vận tải Minh Đức

Xuất tại kho: Công ty. Địa chỉ: Trần Hưng Đạo - TP Hạ Long, tỉnh QN

| STT | Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư, SP, HH | Mã số | ĐVT | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền |
|-------------|--|-------|-----|----------|-----------|---------|------------|
| | | | | Yêu cầu | Thực xuất | | |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 1 | Thép F65 | | kg | 400 | 400 | 19.800 | 7.920.000 |
| ----- | | | | | | | |
| Cộng | | | | 400 | 400 | | 7.920.000 |

Tổng số tiền bằng chữ: Bảy triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng

Ngày 28 tháng 11 năm 2017

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.11.Thẻ kho

Đơn vị: Công ty TNHH một thành viên NBA

Mẫu số S12-DN

Địa chỉ: 27, Hải Hà, Phường Hồng Hải, Thành Phố

(Ban hành theo Thông tư số

Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

133/2016/TT-BTC

Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 30/11/2017

Tờ số: 216

Tên nhãn hiệu quy cách vật tư: Tôn mạ kẽm

Đơn vị tính: m²

| Chứng từ | | Diễn giải | Số lượng | | | Ghi chú |
|----------|------------|--|---------------|---------------|---------------|---------|
| Số hiệu | Ngày tháng | | Nhập | Xuất | Tồn | |
| | | Dư đầu tháng | | | 3.000 | |
| PNK202 | 03/11 | Nhập kho tôn mạ kẽm | 25.000 | | 28.000 | |
| PXK237 | 17/11 | Xuất bán tôn mạ kẽm cho công ty TNHH Thanh Vân | | 5.000 | 23.000 | |
| ... | ... | ... | ... | ... | | |
| | | Cộng phát sinh | 50.000 | 15.000 | | |
| | | Tổng cộng | | | 38.000 | |

Ngày 30 tháng 11 năm 2017

Thủ kho**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.12.Thẻ kho

Đơn vị: Công ty TNHH một thành viên NBA

Mẫu số S12-DN

Địa chỉ: 27, Hải Hà, Phường Hồng Hải, Thành Phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 30/11/2017

Tờ số: 217

Tên nhãn hiệu quy cách vật tư: Thép F65

Đơn vị tính: kg

| Chứng từ | | Diễn giải | Số lượng | | | Ghi chú |
|----------|------------|--|------------|------------|------------|---------|
| Số hiệu | Ngày tháng | | Nhập | Xuất | Tồn | |
| | | Dư đầu tháng | | | 200 | |
| PNK209 | 05/11 | Nhập kho thép F65 | 800 | | 1.000 | |
| PXK258 | 28/11 | Xuất bán thép F65 cho Công ty vận tải Minh Đức | | 400 | 600 | |
| | | Cộng phát sinh | 800 | 400 | | |
| | | Tổng cộng | | | 600 | |

Ngày 30 tháng 11 năm 2017

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.13.Trích sổ chi tiết nguyên vật liệu**Đơn vị: Công ty TNHH một thành viên NBA****Địa chỉ: 27, Hải Hà, Phường Hồng Hải, Thành****Phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh****Mẫu số S10-DN***(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC**Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)***SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (Sản phẩm, hàng hóa)****Tháng 11 năm 2017****Tài khoản:1521**

Tên, quy cách nguyên liệu: Thép F65

Đơn vị tính: Kg

| Chứng từ | | Diễn giải | Tài khoản đối ứng | Đơn giá | Nhập | | Xuất | | Tồn | | Ghi chú |
|----------|------------|---------------------------------------|-------------------|---------------|------------|-------------------|------------|------------------|------------|-------------------|---------|
| Số hiệu | Ngày tháng | | | | Số lượng | Thành tiền | Số lượng | Thành tiền | Số lượng | Thành tiền (*) | |
| | | Số dư ĐK | | 19.000 | | | | | 200 | 3.800.000 | |
| PNK209 | 05/11 | Nhập kho thép F65 | 112 | 20.000 | 800 | 16.000.000 | | | 1.000 | 19.800.000 | |
| PXK258 | 28/11 | Xuất bán cho công ty vận tải Minh Đức | 154 | 19.800 | | | 400 | 7.920.000 | 600 | 11.880.000 | |
| | | Cộng phát sinh | | | 800 | 16.000.000 | 400 | 7.920.000 | | | |
| | | Tồn cuối tháng | | | | | | | 600 | 11.880.000 | |

Người ghi sổ*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên)*

Biểu số 2.14.Trích sổ chi tiết nguyên vật liệu**Đơn vị: Công ty TNHH một thành viên NBA****Địa chỉ: 27, Hải Hà, Phường Hồng Hải, Thành****Phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh****Mẫu số S10-DN***(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC**Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)***SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (Sản phẩm, hàng hóa)****Tháng 11 năm 2017****Tài khoản:1521**

Tên, quy cách nguyên liệu: Tôn mạ kẽm

Đơn vị tính: m²

| Chứng từ | | Diễn giải | Tài khoản đối ứng | Đơn giá | Nhập | | Xuất | | Tồn | | Ghi chú |
|----------|------------|-------------------------------------|-------------------|---------------|---------------|----------------------|---------------|--------------------|---------------|----------------------|---------|
| Số hiệu | Ngày tháng | | | | Số lượng | Thành tiền | Số lượng | Thành tiền | Số lượng | Thành tiền (*) | |
| | | Số dư ĐK | | 50.000 | | | | | 3.000 | 150.000.000 | |
| PNK202 | 03/11 | Nhập kho tôn mạ kẽm | 112 | 50.382 | 25.000 | 1.259.550.000 | | | 28.000 | 1.409.550.000 | |
| PXK237 | 17/11 | Xuất bán cho công ty TNHH Thanh Vân | 154 | 50.341 | | | 5.000 | 251.705.000 | 23.000 | 1.157.845.000 | |
| ... | ... | ... | | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | |
| | | Cộng phát sinh | | | 50.000 | 2.519.100.000 | 15.000 | 755.115.000 | | | |
| | | Tồn cuối tháng | | | | | | | 38.000 | 1.913.985.000 | |

Người ghi sổ*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên)*

Biểu số 2.15. Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn NVL**Đơn vị: Công ty TNHH một thành viên NBA****Mẫu số S08 - DNN****Địa chỉ: 27, Hải Hà, Phường Hồng Hải, Thành Phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh***(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC**Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)***BẢNG TỔNG HỢP NHẬP – XUẤT – TỒN****NGUYÊN VẬT LIỆU**

Tháng 11 năm 2017

ĐVT: VNĐ

| Tên vật tư | Đơn vị tính | Tồn đầu kỳ | | Nhập trong kỳ | | Xuất trong kỳ | | Tồn cuối kỳ | |
|-------------|----------------|------------|--------------------|---------------|----------------------|---------------|--------------------|-------------|----------------------|
| | | Số lượng | Thành tiền | Số lượng | Thành tiền | Số lượng | Thành tiền | Số lượng | Thành tiền |
| Tôn mạ kẽm | M ² | 3000 | 150.000.000 | 50000 | 2.519.100.000 | 15000 | 755.115.000 | 38000 | 1.913.985.000 |
| Thép F65 | Kg | 200 | 3.800.000 | 800 | 16.000.000 | 400 | 7.920.000 | 600 | 11.880.000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| Cộng | | | 280.836.480 | | 2.608.897.700 | | 884.156.220 | | 2.005.577.960 |

Người lập biểu*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên)*

2.6.4. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH một thành viên NBA

➤ **Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Giấy đề nghị tạm ứng
- ...

Khi tiến hành mua vật tư, có hai trường hợp đó là:

- Mua vật tư, công cụ dụng cụ về nhập kho
- Mua vật tư, công cụ dụng cụ không nhập kho mà dùng trực tiếp cho sản xuất

➤ **Tài khoản sử dụng**

Công ty TNHH một thành viên NBA sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp phản ánh liên tục có hệ thống tình hình nhập-xuất-tồn kho vật tư trên sổ sách kế toán.

Để hạch toán, kế toán sử dụng các tài khoản chủ yếu sau:

- ❖ TK 152 –Nguyên liệu, vật liệu: Tài khoản này dùng để theo dõi tình hình hiện có và biến động tăng giảm của NVL theo giá thực tế của từng loại.
- Tài khoản 152 được mở thành các TK cấp 2:
 - + TK 1521: Nguyên vật liệu chính
 - + TK 1522: Vật liệu phụ
 - + TK 1523: Nhiên liệu
 - + TK 1524: Phụ tùng thay thế
 - + TK 1525: Vật tư, thiết bị XDCB
 - + TK 1528: Vật liệu khác

Ngoài các tài khoản trên, doanh nghiệp còn sử dụng các TK liên quan như :

TK 111: Tiền mặt

TK 112: Tiền gửi ngân hàng

TK 113: Thuế GTGT được khấu trừ

TK 331: Phải trả người bán

TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

❖ Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

- Các nghiệp vụ nhập kho NVL:

Ví dụ 2.1 (tiếp): Ngày 03/11/2017 Công ty mua 25.000 m² tôn mạ kẽm của công ty TNHH Hoàng Hải, giá mua chưa có thuế là 50.382đ/m², thuế suất 10%. Hình thức thanh toán là chuyển khoản, số hàng trên được công ty TNHH Hoàng Hải vận chuyển đến kho nguyên vật liệu đầy đủ và không tính phí vận chuyển.

Căn cứ vào PNK 202, HĐGTGT 0000621

■ Kế toán định khoản:

Nợ TK 1521: 1.259.550.000đ

Nợ TK 133: 125.955.000đ

Có TK 112: 1.385.505.000đ

Sau đó kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, sổ cái các TK 1521, 133, 112

Ví dụ 2.2 (tiếp): Vào ngày 05/11/2017 Công ty mua 800 kg Thép F65 của Công ty TNHH Hoàng Sơn HL, giá mua chưa thuế là 20.000đ/Kg, thuế suất 10%, theo hóa đơn GTGT số 0000677.

Căn cứ vào PNK 209, HĐGTGT 0000677

■ Kế toán định khoản:

Nợ TK 1521: 16.000.000đ

Nợ TK 133: 1.600.000đ

Có TK 112: 17.600.000đ

Sau đó kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, sổ cái các TK 1521, 133, 112

- Các nghiệp vụ xuất kho NVL:

Ví dụ 2.3 (tiếp): Ngày 17/11/2017 căn cứ vào giấy đề phiếu đề nghị cấp vật tư, Công ty xuất bán 5.000 m² tôn mạ kẽm cho Công ty TNHH Thanh Vân theo phiếu xuất kho số 237.

■ Kế toán định khoản:

Nợ TK 154: 251.705.000đ

Có TK 1521: 251.705.000đ

Sau đó kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, sổ cái các TK 154, 1521

Ví dụ 2.4 (tiếp): Ngày 28/11/2017, căn cứ vào phiếu đề nghị cấp vật tư, Công ty xuất bán 400Kg Thép F65 cho Công ty vận tải Minh Đức, P XK số 258.

■ Kế toán định khoản:

Nợ TK 154: 7.920.000đ

Có TK 1521: 7.920.000đ

Sau đó kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, sổ cái các TK 154, 1521

Biểu số 2.16. Nhật Ký Chung

Đơn vị: Công ty TNHH một thành viên NBA
Địa chỉ: 27, Hải Hà, Phường Hồng Hải, Thành Phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
 Tháng 11 năm 2017

ĐVT: VNĐ

| Ngày tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | Đã ghi sổ cái | Số hiệu TK đối ứng | Số phát sinh | |
|-------------------|-------------------|------------|-----------------------------------|---------------|--------------------|---------------|---------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | F | 1 | 2 |
| | | | Số trang trước chuyển sang | | | | |
| 03/11 | PNK202 | 03/11 | Nhập kho tôn mạ kẽm | | 1521 | 1.259.550.000 | |
| 03/11 | HĐGTGT 0000621 | 03/11 | Nhập kho tôn mạ kẽm | | 133 | 125.955.000 | |
| 03/11 | | 03/11 | Nhập kho tôn mạ kẽm | | 112 | | 1.385.505.000 |
| | | | ... | ... | ... | | |
| 05/11 | PNK209 | 05/11 | Nhập kho thép F65 | | 1521 | 16.000.000 | |
| 05/11 | HĐGTGT 0000677 | 05/11 | Nhập kho thép F65 | | 133 | 1.600.000 | |
| 05/11 | | 05/11 | Nhập kho thép F65 | | 112 | | 17.600.000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 17/11 | PXK237 | 17/11 | Xuất bán tôn mạ kẽm | | 154 | 251.705.000 | |
| 17/11 | | 17/11 | Xuất bán tôn mạ kẽm | | 1521 | | 251.705.000 |
| ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... | ... |
| 28/11 | PXK 258 | 28/11 | Xuất bán thép F65 | | 154 | 7.920.000 | |
| 28/11 | | 28/11 | Xuất bán thép F65 | | 1521 | | 7.920.000 |
| | | | | ... | | | |
| | | | Cộng chuyển trang sau | | x | x | x |

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.17. Sổ cái NVL

Đơn vị: Công ty TNHH một thành viên NBA
Địa chỉ: 27, Hải Hà, Phường Hồng Hải, Thành Phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
Tháng 11 năm 2017
Tên tài khoản: Nguyên vật liệu
Số hiệu tài khoản: 1521

DVT: VNĐ

| Ngày tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | NK C trang số | Tài kho ản đối ứng | Số tiền | |
|-------------------|----------|------------|---------------------------------|---------------|--------------------|----------------------|--------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | H | 1 | 2 |
| | | | Số dư đầu tháng | | | 280.836.480 | |
| | | | Số phát sinh trong tháng | | | | |
| 03/11 | PNK 202 | 03/11 | Nhập kho tôn mạ kẽm | | 112 | 1.259.550.000 | |
| | | | ... | | | | |
| 05/11 | PNK 209 | 05/11 | Nhập kho thép F65 | | 112 | 17.600.000 | |
| ... | ... | ... | ... | | ... | ... | .. |
| 17/11 | PXK 237 | 17/11 | Xuất bán tôn mạ kẽm | | 154 | | 251.705.000 |
| ... | ... | ... | ... | | ... | ... | ... |
| 28/11 | PXK 258 | 28/11 | Xuất bán thép F65 | | 154 | | 7.920.000 |
| | | | | | | | |
| | | | Cộng phát sinh | | | 2.608.897.700 | 884.156.220 |
| | | | Số dư cuối tháng | | | 2.005.577.960 | |

Ngày 30 tháng 11 năm 2017

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3 : HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT**LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NBA****3.1. Nhận xét về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty**

Công ty TNHH một thành viên NBA đã đạt được nhiều thành tựu to lớn trong quá trình hội nhập kinh tế hiện nay, điều đó thể hiện sự cố gắng nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên toàn Công ty.

Để công ty đứng vững và phát triển trong nền kinh tế thị trường có sự cạnh tranh như hiện không thể không nói đến sự chỉ đạo của Ban lãnh đạo và sự vươn lên của các thành viên trong Công ty.

Công tác kế toán NVL ở Công ty được tiến hành dựa trên căn cứ khoa học và đặc điểm tình hình thực tế của Công ty. Do đặc điểm kế toán NVL ở Công ty rất đa dạng và phong phú về chủng loại, các nghiệp vụ nhập- xuất diễn ra thường xuyên, do đó Công ty đã sử dụng cách tính giá NVL rất hợp lý và đơn giản.

Vật liệu là khoản mục chi phí chiếm tỉ trọng lớn trong giá thành. Do đó công tác quản lý và sử dụng vật liệu tốt sẽ góp phần thực hiện tốt mục tiêu hạ giá thành sản phẩm của Công ty. Điều này thể hiện ở sự chú trọng từ khâu thu mua, bảo quản, sử dụng vật liệu.

Qua thời gian tìm hiểu thực tế công tác kế toán NVL ở Công ty TNHH một thành viên NBA, em đã nhận thấy công tác quản lý và hạch toán ở Công ty có nhiều ưu điểm cần phát huy cụ thể như sau:

3.1.1. Ưu điểm

- Với bộ máy quản lý gọn nhẹ, các phòng ban chức năng được phân công nhiệm vụ rõ ràng nhằm đáp ứng nhu cầu chỉ đạo và kiểm tra các hoạt động sản xuất kinh doanh. Công tác kế toán của Công ty không ngừng được củng cố hoàn thiện, trở thành công cụ đắc lực trong hoạt động quản lý và hạch toán kinh tế của Công ty. Trình độ nghiệp vụ kế toán của cán bộ kế toán luôn được nâng cao, các kế toán viên đều sử dụng thành thạo máy vi tính, công việc hành toán sổ sách đều được đưa lên máy vi tính.

- Tại Công ty TNHH một thành viên NBA, hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung đã tạo điều kiện cho kế toán trưởng kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ. Bên cạnh đó, với hình thức tổ chức này còn giúp cho việc phân công nhiệm vụ rõ ràng cho từng nhân viên kế toán.

- Các chứng từ vận dụng trong quá trình kế toán phù hợp với quy định của nhà nước, trong quá trình luân chuyển được kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ,

đảm bảo độ tin cậy của chứng từ. Việc phân loại chứng từ theo từng công trình, hạng mục và thời gian phát sinh thuận tiện cho việc tìm kiếm và lưu giữ chứng từ. Việc áp dụng kế toán máy vào công tác kế toán còn giúp cho kế toán giảm bớt được khối lượng ghi chép mà vẫn cung cấp đầy đủ các thông tin. Các số liệu trên sổ sách được tổng hợp chính xác, các biểu mẫu về sổ sách rõ ràng và khoa học.

- Về việc tổ chức thu mua vật liệu ở Công ty có nhân viên thu mua rất hoạt bát nhanh nhạy trong việc nắm bắt giá cả thị trường nên vật liệu luôn được mua với giá hợp lý và chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty làm cho tiến độ sản xuất, thi công đạt hiệu quả cao.

- Về tổ chức bảo quản vật liệu trong kho cũng được Công ty xây dựng hệ thống kho tàng bền bỉ tương đối tốt đảm bảo vật tư được trông coi cẩn thận không xảy ra tình trạng hỏng hóc hay mất mát.

3.1.2. Nhược điểm

- Công ty TNHH một thành viên NBA tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung trong khi các công trình mà Công ty thi công ngày càng nhiều, được phân bổ trên phạm vi rộng và trải dài về mặt địa lý. Vậy nên việc tập hợp các chứng từ về phòng tài chính kế toán thường chậm. Mặc dù công ty áp dụng ghi sổ kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên nhưng thực tế kế toán Công ty không quản lý và hạch toán kịp thời, thường xuyên.

- Về công tác luân chuyển chứng từ: Do các công trình của Công ty chủ yếu nằm cách xa công ty nên việc tập hợp chứng từ từ các công trình về phòng kế toán tài chính thường chậm, do đó việc phản ánh chi phí phát sinh không kịp thời, việc ghi chép các nghiệp vụ không phản ánh đúng thời gian phát sinh.

- Về biểu mẫu và chứng từ dùng trong kế toán chi phí sản xuất:

- Công ty chưa có các chứng từ phản ánh sự thiếu hụt nguyên vật liệu trong vận chuyển, giao nhận vật tư, vật tư sử dụng không hết, nhập kho nên không tránh khỏi sai sót trong quá trình hạch toán

- Các loại giấy tờ chứng từ gốc như hóa đơn GTGT, PNK, P XK, Sổ chi tiết vật liệu được kế toán ở dưới đội tập hợp. Cuối tháng kế toán vật tư ở dưới đội tổng hợp tình hình nhập xuất trong tháng rồi mới chuyển chứng từ gốc về phòng kế toán của công ty. Như vậy sẽ dồn nhiều chứng từ gây khó khăn cho việc tổng hợp, xử lý chứng từ.

- Nhiều sổ sách kế toán chi tiết còn được làm thủ công, chưa có tính khoa học và còn được làm nhiều bằng tay

- Việc tiếp nhận NVL của Công ty vẫn chưa được quan tâm đúng mức, khi nhập kho NVL thủ kho chỉ căn cứ vào hóa đơn và kiểm tra chất lượng bằng mắt thường nên không thể đánh giá chính xác chất lượng của NVL.

3.2. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên NBA

- **Đề xuất 1:** Công ty nên thực hiện theo đúng nguyên tắc mỗi tháng vào ngày đầu tháng từ ngày 01 đến ngày 05 của tháng đó sẽ tiến hành ưu tiên cho đội sản xuất làm nhiệm vụ dự trữ sản xuất ứng tiền thi công nhưng đồng thời cũng làm hết các thủ tục giảm nợ các chi phí của tháng trước đã ứng và đã phục vụ sản xuất. Có như vậy việc luân chuyển chứng từ từ đội sản xuất về phòng tài chính kế toán.

- **Đề xuất 2:** Đối với nguyên vật liệu, sử dụng không hết hoặc phế liệu thu hồi do phá vỡ công trình, kế toán nên lập biên bản kiểm kê và đánh giá giá trị thu hồi..

- **Đề xuất 3:** Hoàn thiện kế toán lập dự phòng giảm giá cho nguyên vật liệu: Công ty cần trích lập dự phòng giảm giá cho nguyên vật liệu vì nguyên vật liệu của công ty thường là mua ngoài với giá trị lớn, do đó dễ hạn chế sự biến động trên thị trường Công ty nên trích lập dự phòng giảm giá cho nguyên vật liệu. Việc lập dự phòng giảm giá cho nguyên vật liệu được tiến hành vào cuối niên độ trước khi lập BCTC. Dự phòng thực chất là làm tăng chi phí, đồng nghĩa với việc làm giảm thu nhập ròng của niên độ báo cáo. Nó giúp doanh nghiệp có quỹ tiền tệ trước mắt để khắc phục thiệt hại có thể xảy ra. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho để đề phòng nguyên vật liệu giảm giá so với sổ kế toán. Dự phòng được xác lập cho từng loại nguyên vật liệu. Lập dự phòng phải đúng theo quy chế tài chính hiện hành. Mức trích lập dự phòng là phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ nguyên vật liệu với giá trị thuần có thể thực hiện được.

3.3 Hiện đại hóa công tác kế toán

- Công ty vẫn còn áp dụng hình thức kế toán thủ công làm giảm tiến độ công việc. Vì vậy doanh nghiệp nên áp dụng hình thức kế toán máy để việc hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh cũng như việc quản lý số liệu được thực hiện nhanh chóng, gọn nhẹ và hiệu quả hơn.

- Trong thời đại hiện nay hầu hết các công ty đã áp dụng hình thức kế toán máy nên công ty cũng nên tiếp thu sự tiến bộ đó để giúp cho việc quản lý các nghiệp vụ kinh tế của bộ phận kế toán cũng như ban lãnh đạo của công ty dễ dàng hơn. Để doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh được hiệu quả thì công tác quản lý đóng vai trò khá quan trọng.

- Trước khi áp dụng phần mềm kế toán công ty cử nhân viên đi đào tạo để tiếp cận với phần mềm kế toán, có kiến thức về phần mềm kế toán để về áp dụng tại công ty.

- Nếu công ty hoàn thiện được bộ máy kế toán và áp dụng phương pháp kế toán máy thì hiệu quả công việc sẽ cao hơn, việc cung cấp thông tin và số liệu sẽ được chính xác và nhanh chóng hơn giúp các quản lý đưa ra phương pháp lãnh đạo công ty tốt hơn cho công ty đạt lợi nhuận cao hơn

Sau đây em xin đưa một số phần mềm phổ biến hiện nay:

➤ **Phần mềm kế toán MISA (Phiên bản MISA SME.NET 2017)**

- Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2017 được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình.

- Giao diện thân thiện dễ sử dụng, cho phép cập nhật dữ liệu linh hoạt (nhiều hóa đơn cùng một phiếu chi). Bám sát chế độ kế toán, các mẫu biểu chứng từ sổ sách kế toán luôn tuân thủ chế độ kế toán. Hệ thống báo cáo đa dạng, đáp ứng nhiều nhu cầu quản lý của đơn vị.

- Đặc biệt, phần mềm cho phép tạo nhiều cơ sở dữ liệu, nghĩa là mỗi đơn vị được thao tác trên một cơ sở dữ liệu độc lập.

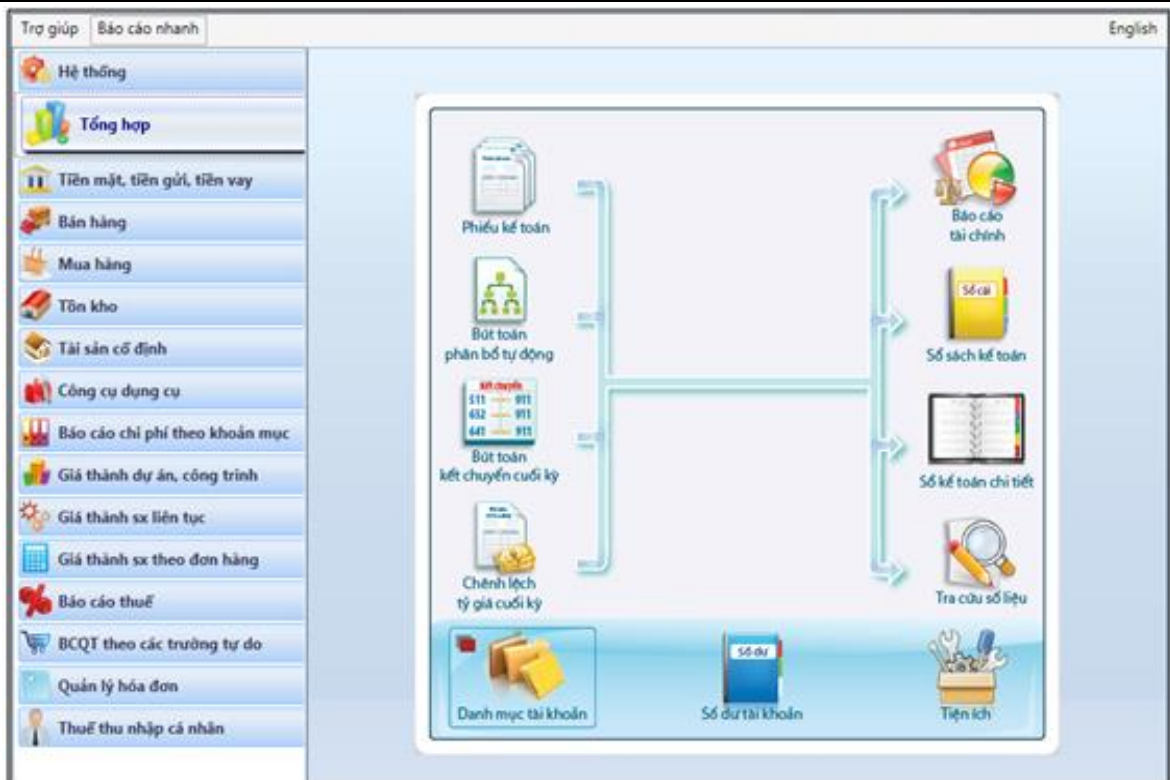
- Tính chính xác: Số liệu tính toán rất chính xác, ít xảy ra sai sót bất thường. Điều này giúp kế toán yên tâm hơn.

- Tính bảo mật: Vì MISA chạy trên công nghệ SQL nên khả năng bảo mật rất cao



➤ **Phần mềm kế toán Fast 2017**

- Giao diện dễ sử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ hiện hành cũng giống như MISA, FAST có một hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình.
- Tốc độ xử lý cao
- Cho phép kết xuất báo cáo ra excel với mẫu biểu sắp xếp đẹp



➤ Phần mềm kế toán 3TSoft 2017

3TSoft
Phần mềm kế toán
TÍN NHIỆM - TIỆN ÍCH - TÍCH HỢP

Make your job easy!

| PHẦN HÀNH | THỐNG KẾ | NGHIỆP VỤ | BIỂU MẪU - BÁO CÁO | TIỆN ÍCH | | |
|-----------------------------------|----------|---------------------------|---|------------------|-------------------------|-------------------|
| Kế toán tiền mặt, tiền gửi | | | Bảng kê chứng từ Số chi tiết tài khoản | | | |
| Kế toán vật tư, hàng hoá | | Phiếu kế toán | Số chi tiết tài khoản (nhiều tài khoản) Số chi tiết tài khoản ngoại tệ | | | |
| Kế toán công trình | | Chứng từ khoá số | Số chi tiết tài khoản (In liên tục) | | | |
| Kế toán sản xuất - giá thành | | Hoá đơn huỷ | Báo cáo tổng hợp tài khoản Báo cáo tổng hợp phát sinh ngoại tệ | | | |
| Kế toán tài sản, công cụ, chi phí | | Hoá đơn bổ sung | Tổng hợp phát sinh tài khoản | | | |
| Kế toán tổng hợp | | Kế toán ngoài bảng | Sổ quỹ tiền mặt Số chi tiết tiền gửi | | | |
| Quản lý kho | | Vật tư ngoài bảng | Sổ cái tài khoản Số cái tài khoản (In liên tục) | | | |
| Quản trị hệ thống | | | Sổ nhật ký chung Nhật ký thu tiền | | | |
| | | Tính giá vốn | Tính khấu hao | Bút toán khoá sổ | Đánh giá tỷ giá cuối kỳ | Hỗ trợ trực tuyến |

Theo em công ty nên sử dụng phần mềm kế toán MISA vì phần mềm này có khả năng bảo mật rất cao đảm bảo dữ liệu tuyệt đối

KẾT LUẬN

Chúng ta đang bước vào một giai đoạn phát triển với tốc độ nhanh, mạnh của nền kinh tế mở. Mỗi một doanh nghiệp cần phải xác định rõ ràng mục tiêu, con đường phát triển của mình, công ty TNHH một thành viên NBA cũng không nằm ngoài quỹ đạo đó. Để trở thành công cụ quản lý có hiệu quả, kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng phải luôn được cải tiến và hoàn thiện, nhằm đáp ứng công tác quản lý trong nền kinh tế hiện nay.

Sau thời gian thực tập tại công ty TNHH một thành viên NBA, được sự giúp đỡ của thầy cô hướng dẫn và các anh chị trong phòng kế toán của công ty, em đã nhận được tầm quan trọng và sự ảnh hưởng của công tác kế toán nguyên vật liệu tới quá trình sản xuất kinh doanh của công ty. Hạch toán nguyên vật liệu là công cụ đắc lực giúp cho lãnh đạo công ty nắm được tình hình và chỉ đạo sản xuất, lập kế hoạch thu mua, tiêu thụ phù hợp. Từ đó có ý nghĩa quyết định đến việc tăng lợi nhuận.

Khóa luận tốt nghiệp đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH một thành viên NBA” đã nêu được những vấn đề cơ bản sau:

- Về mặt lý luận, đề tài đã hệ thống hóa được lý luận chung về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ
- Về thực tiễn, đề tài đã mô tả và phân tích được thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH một thành viên NBA một cách khách quan, trung thực thông qua số liệu năm 2017 minh chứng cho các lập luận đưa ra.
- Đối chiếu giữa lý luận và thực tiễn tại công ty TNHH một thành viên NBA, bài khóa luận đưa ra một số nguyên nhân, phương pháp hoàn thiện kế toán nguyên vật tại công ty.

Tuy nhiên thời gian có hạn và trình độ hiểu biết còn nhiều hạn chế mà sự vận dụng lý thuyết nhà trường vào thực tiễn là cả một quá trình. Do đó, khóa luận không thể tránh khỏi những sai sót, em rất mong được sự chỉ bảo, góp ý của các thầy cô giáo và các anh chị phòng kế toán của công ty cũng như các bạn sinh viên trong toàn khoa để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin cảm ơn cô Th.s Nguyễn Thị Thúy Hồng, cùng các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh của trường Đại học Dân Lập Hải Phòng, cùng ban lãnh đạo và các cô chú anh chị trong phòng kế toán công ty TNHH một thành viên NBA đã tạo điều kiện, hướng dẫn em hoàn thành khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Đỗ Thu Hà

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2016), *thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 Chế độ kế toán doanh nghiệp*, Hà Nội.
2. Công ty TNHH một thành viên NBA (2015), *Báo cáo tài chính, các sổ sách kế toán năm 2015*.
3. Công ty TNHH một thành viên NBA (2016), *Báo cáo tài chính, các sổ sách kế toán năm 2016*.
4. Công ty TNHH một thành viên NBA (2017), *Báo cáo tài chính, các sổ sách kế toán năm 2017*.